

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
<i>1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn</i>	<i>1</i>
<i>2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài</i>	<i>2</i>
<i>3. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận văn</i>	<i>4</i>
<i>4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn</i>	<i>4</i>
<i>5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu</i>	<i>5</i>
<i>6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn</i>	<i>5</i>
<i>7. Kết cấu luận văn</i>	<i>5</i>
Chương I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN	7
1.1. Những vấn đề chung về chứng thực	7
<i>1.1.1. Khái niệm chứng thực</i>	<i>7</i>
<i>1.1.2. Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực</i>	<i>11</i>
<i>1.1.3. Nội dung, đặc điểm, phân loại chứng thực và phân biệt hoạt động chứng thực với hoạt động công chứng</i>	<i>13</i>
1.2. Quản lý nhà nước đối với chứng thực	16
<i>1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của quản lý nhà nước đối với chứng thực</i>	<i>16</i>
<i>1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy cung ứng dịch vụ chứng thực</i>	<i>19</i>
<i>1.2.3. Quy trình cung ứng dịch vụ</i>	<i>20</i>
<i>1.2.4. Nội dung quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND cấp huyện</i>	<i>21</i>
.....	
<i>1.2.5. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với chứng thực</i>	<i>29</i>
<i>1.2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động QLNN trên địa bàn quận</i>	<i>30</i>
Tiểu kết chương I	33
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC CỦA UBND QUẬN 12	34
2.1. Khái quát chung về Quận 12	34
<i>2.1.1. Về đặc điểm tự nhiên</i>	<i>34</i>
<i>2.1.2. Về đặc điểm chính trị, kinh tế - xã hội</i>	<i>34</i>
2.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với công tác chứng thực tại UBND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh	34
<i>2.2.1. Công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ,</i>	

<i>công chức làm công tác chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn</i>	36
2.2.2. <i>Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực</i>	37
2.2.3. <i>Thẩm quyền chứng thực và tổ chức quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12</i>	39
2.2.4. <i>Công tác lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực</i>	45
2.2.5. <i>Công tác thanh, kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND 11 phường trên địa bàn</i>	45
2.2.6. <i>Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền</i>	46
2.2.7. <i>Công tác tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định</i>	47
2.3. Đánh giá quản lý nhà nước đối với chứng thực tại UBND Quận 12.	48
2.3.1. <i>Công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại UBND cấp xã</i>	48
2.3.2. <i>Việc ban hành văn bản hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến các văn bản về chứng thực</i>	49
2.3.3. <i>Công tác bố trí, phân công nhân sự thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực</i>	51
2.3.4. <i>Công tác lấy sổ, lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực</i>	52
2.3.5. <i>Công tác kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND 11 phường</i>	53
2.3.6. <i>Công tác xử lý vi phạm liên quan chứng thực theo thẩm quyền</i>	54
2.3.7. <i>Công tác tổng hợp và báo cáo định kỳ</i>	55
2.4. Nguyên nhân của các hạn chế	56
2.4.1. <i>Hệ thống văn bản QPPL về chứng thực chưa đầy đủ và hoàn chỉnh</i>	56
2.4.2. <i>Cơ cấu tổ chức trong cung ứng dịch vụ chứng thực và QLNN đối với chứng thực chưa có sự hợp lý</i>	56
2.4.3. <i>Đội ngũ công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực còn thiếu và hạn chế về tinh thần phục vụ</i>	57
2.4.4. <i>Việc phân cấp về thẩm quyền, xác định trách nhiệm trong quản lý các tổ chức hành nghề công chứng giữa Sở Tư pháp và Quận thiếu rõ ràng</i>	58
2.4.5. <i>Khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hồ</i>	

<i>sơ giả mạo và lỗ hổng quy trình thực hiện truyền thống</i>	58
Tiểu kết chương 2	59
Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC CỦA UBND QUẬN	
12	60
3.1. Cơ sở, căn cứ đề xuất giải pháp	60
3.1.1. Định hướng cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước	60
3.1.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với chứng thực	60
3.2. Một số giải pháp được đề xuất	61
3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về chứng thực	61
3.2.2. Chú trọng công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chứng thực, đặc biệt là cấp xã	61
3.2.3. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, đặc biệt là đối với pháp luật về chứng thực	63
3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động chứng thực	64
3.2.5. Tăng cường phân cấp, phân quyền	65
3.2.6. Lưu trữ số chứng thực, văn bản chứng thực	65
3.2.7. Xử lý vi phạm hành chính nghiêm, có tính răn đe cao	66
3.2.8. Công tác tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo về UBND thành phố	66
3.2.9. Ứng dụng Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực số	67
Tiểu kết chương 3	68
PHẦN KẾT LUẬN	69
PHỤ LỤC	74

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	DVHCC	Dịch vụ hành chính công
2	QLNN	Quản lý nhà nước
3	QPPL	Quy phạm pháp luật
4	TN&TKQ	Tiếp nhận và trả kết quả
5	TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
6	UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Tên hiệu	Tên bảng	Trang
Bảng 1.1	Quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện theo cơ chế một cửa	20-21
Bảng 2.1	Bảng thống kê số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách đã được Phòng Tư pháp tập huấn nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2015-2019	36
Bảng 2.2	Bảng thống kê số lượng cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực từ 2015-2019 của UBND Quận 12	39
Bảng 2.3	Bảng Thống kê số việc chứng thực, số lệ phí chứng thực được thực hiện tại UBND Quận 12 giai đoạn 2015-2019	41
Bảng 2.4	Bảng số lượng cán bộ, công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12	42
Bảng 2.5	Thống kê trình độ cán bộ, công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12	42
Bảng 2.6	Thủ tục, hồ sơ khi yêu cầu chứng thực tại UBND Quận 12	43
Bảng 2.7	Thống kê số vụ việc bị phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực tại UBND Quận 12 từ 2015-2017	46-47

DANH MỤC HÌNH

Tên hiệu	Tên hình	Trang
Hình 2.1	Thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực được đăng tải trên trang thông tin điện tử UBND Quận 12	44

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Tên hiệu	Tên sơ đồ	Trang
Sơ đồ 1.1	Quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện theo cơ chế một cửa	21
Sơ đồ 2.1	Quy trình giải quyết hồ sơ chứng thực tại UBND Quận 12	44

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Tên hiệu	Tên biểu đồ	Trang
Biểu đồ 2.1	Đánh giá hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại UBND phường của UBND Quận 12	48
Biểu đồ 2.2	Đánh giá công tác ban hành văn bản trong lĩnh vực chứng thực của UBND Quận 12	49
Biểu đồ 2.3	Đánh giá hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về chứng thực của UBND Quận 12	50
Biểu đồ 2.4	Đánh giá công tác kiểm tra hoạt động chứng thực tại UBND phường của UBND Quận 12	54

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn

Chứng thực là một hoạt động mang tính hành chính - pháp lý, do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện, cốt yếu nhằm mục đích hỗ trợ cho chức năng quản lý nhà nước.

Quốc gia nào cũng vậy, việc quản lý nhà nước được dựa trên hệ thống quy định chặt chẽ của pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực cụ thể. Việc cấp quyền sở hữu, quyền sử dụng hay văn bằng, chứng chỉ, giấy phép,... cũng chỉ là tiền đề nhằm hợp thức hoá các quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức, đồng thời tạo một công cụ quản lý nhà nước thêm hiệu lực, hiệu quả. Tuy nhiên, trên thực tế các loại giấy phép, giấy chứng nhận, văn bằng, chứng chỉ,... thường có một bản hoặc cấp một lần (trừ trường hợp cấp lại, cấp đổi, cấp mới) mà nhu cầu giao dịch thì lại nhiều, cần nhiều bản cho một giao dịch hoặc nhiều giao dịch cùng một lúc. Thế nên, việc chứng thực giấy tờ tất yếu được ra đời và cũng là hoạt động rất thiết thực với đời sống, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hợp tác toàn cầu như hiện nay.

Rõ ràng, hoạt động chứng thực là cần thiết, tuy vậy nếu không có sự ràng buộc ở mặt pháp lý và cơ chế quản lý phù hợp sẽ gây ra nhiều hệ lụy nghiêm trọng, nhất là thời điểm mà cơ chế thị trường can thiệp sâu rộng như hiện nay. Thực tế cho thấy việc quản lý nhà nước đối với chứng thực còn thiếu sót và có kẽ hở để hành vi sai lệch làm ảnh hưởng đến lợi ích của cá nhân, tổ chức và suy giảm uy tín Nhà nước. Bởi lẽ:

Một là, mức độ tinh vi, tiểu xảo trong làm giả giấy tờ, giấy phép, bằng cấp, chứng chỉ ngày càng nhiều và đa dạng. Đặc biệt đối với thực trạng dân số đông đúc, mật độ giao dịch cao và thường xuyên.

Hai là, tình hình thực tế tiến hành công tác quản lý nhà nước đối với chứng thực còn bất cập, có thể nói vẫn còn việc sai lệch quy trình, còn ảnh hưởng bởi văn hoá địa phương. Bên cạnh đó, chế định pháp luật chưa thực sự hoàn thiện, chất lượng cán bộ, công chức và trình độ chuyên môn cũng gặp không ít khó khăn.

Ở nước ta, hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực đã được chú trọng và phát triển rõ ràng, từ sau Cách mạng tháng Tám thành công năm 1945, thì Sắc lệnh

số 59/SL được ban hành quy định về "Thể lệ thi thực các giấy tờ" đã là căn cứ pháp lý quan trọng. Sau đó, từ thời điểm đổi mới đến nay, nhiều Nghị định của Chính phủ được ban hành và điều chỉnh cho phù hợp với thực tế cũng lần lượt ra đời và hoàn thành sứ mệnh, đến hiện tại là Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 về việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch. Đây được xem là văn bản tương đối hoàn thiện và đang là căn cứ quan trọng cho hoạt động chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực.

Theo đó, Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ chứng thực (Phòng Tư pháp) lại vừa thực hiện quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn, rõ ràng đây là nhiệm vụ khó và quan trọng cho một đơn vị hành chính cấp huyện.

Trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, với mật độ dân số đông đúc (9.815 người/km²), nhiều khu công nghiệp, trường đại học được hình thành, đồng thời đây là cửa ngõ giao thương các khu vực, cũng như nước ngoài, do đó nơi đây trở thành nơi thu hút đầu tư phát triển các khu công nghiệp - thương mại - dịch vụ. Theo đó, các hoạt động giao dịch, trao đổi sẽ diễn ra nhộn nhịp, điều này dẫn đến hoạt động chứng thực hợp đồng giao dịch, mua bán, chứng thực giấy tờ lại càng nhiều. Đồng thời, tình hình xã hội hoá đối với hoạt động chứng thực được chú trọng, đó là việc chuyển giao một số thẩm quyền cho các tổ chức hành nghề công chứng và đạt được những kết quả nhất định, vì vậy rất cần sự can thiệp, quản lý để kiểm soát bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, tình hình quản lý nhà nước đối với chứng thực gặp nhiều khó khăn, bất cập do thể chế chưa rõ ràng, cơ cấu tổ chức, nhân lực mỏng, áp lực công việc lớn. Do đó, tác giả lấy tên đề tài "**Quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh**", mà trọng tâm xuyên suốt là hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực của Ủy ban nhân dân Quận 12.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Dịch vụ công, dịch vụ hành chính công luôn được nhiều tác giả chú ý và lựa chọn nghiên cứu. Trong lĩnh vực chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực cũng vậy. Các công trình nghiên cứu của các tác giả như:

Đề tài nghiên cứu về *"Quản lý nhà nước về chứng thực thực trạng và phương hướng đổi mới"* của tác giả Chu Thị Tuyết Lan năm 2012 [15]. Luận văn làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về Quản lý nhà nước về chứng thực. Đánh giá thực trạng Quản lý nhà nước về chứng thực. Phương hướng đổi mới và đề xuất các giải pháp cơ bản nhằm đổi mới Quản lý nhà nước về chứng thực trước khi Nghị Định 23/2015/NĐ-CP ra đời.

Đề tài nghiên cứu về *"Quản lý nhà nước về chứng thực hiện nay - Qua nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn thành phố Hà Nội"* của tác giả Ngô Sỹ Chung [9]. Luận văn đã phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị định 79/2007/NĐ-CP nêu lên thực trạng và thách thức trong quản lý nhà nước đối với hoạt động của chính quyền và ngành tư pháp thành phố Hà Nội. Về phạm vi, luận văn đã khảo sát thực tiễn ở cấp huyện và cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Đề tài nghiên cứu *"Quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội"* của tác giả Nguyễn Duy Giang [10]. Luận văn phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị định 79/2007/NĐ-CP, nêu lên thực trạng và thách thức trong quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực của chính quyền huyện Hoài Đức và ngành Tư pháp Thành phố Hà Nội.

Đề tài nghiên cứu *"Quản lý nhà nước về chứng thực trên địa bàn thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội"* của tác giả Phan Thanh Hương [11]. Luận văn đã phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị định 79/2007/NĐ-CP.

Đề tài nghiên cứu về *"Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công trong hoạt động cấp phép và chứng thực tại uỷ ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng"* của tác giả Vũ Thị Lịch năm 2013 [16]. Bài viết đi sâu vào hai lĩnh vực quan trọng và thiết yếu đó là cấp phép và chứng thực, song lại giới hạn về hoạt động cung ứng dịch vụ, chưa rõ về hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực.

Đặc san "*Đặc san tuyên truyền pháp luật số 02/2015 chủ đề pháp luật về chứng thực*" của tác giả Vũ Thị Thảo [39]. Đặc san đã cho khái niệm về chứng thực, phân biệt giữa công chứng và chứng thực. Đặc san phân tích hoạt động chứng thực và nội dung quản lý nhà nước về chứng thực theo tinh thần Nghị Định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính Phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, hợp đồng, giao dịch.

Các đề tài trên tiếp cận ở nhiều góc độ khác nhau, cơ bản làm rõ được chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực cả về lý luận lẫn thực tiễn. Nhưng xét trên phạm vi địa bàn Quận 12 trong thời gian 05 năm trở lại, chưa có tên đề tài nào trùng lặp với Quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh mà tác giả tiếp cận theo góc độ Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận văn

Mục đích của luận văn là làm rõ cơ sở lý luận, đi sâu phân tích đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực của UBND Quận 12. Chỉ ra ưu, nhược điểm trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực của UBND cấp huyện nói chung và UBND Quận 12 nói riêng .

Để hoàn thành mục tiêu đó, luận văn cần tập trung giải quyết các nhiệm vụ:

Một là, phân tích tổng quan chung về cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý nhà nước đối với hoạt động chứng thực của UBND cấp huyện theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

Hai là, đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12.

Ba là, đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện cho hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề về quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND cấp huyện từ năm 2015 đến nay (12/2019). Cụ thể:

Phạm vi quy mô: Tại địa bàn Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi thẩm quyền: Thẩm quyền quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12.

Phạm vi thời gian: Từ năm 2015 đến nay (12/2019).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Luận văn sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và pháp luật của Nhà nước, chương trình cải cách nền hành chính đặc biệt là cải cách thể chế hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp thu thập tài liệu thứ cấp, phân tích, tổng hợp, phương pháp so sánh và phỏng vấn sâu. Ngoài ra, luận văn sử dụng phương pháp khảo sát bằng phiếu thực tế nhằm làm rõ các nội dung QLNN đối với chứng thực trên thực tế.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Ý nghĩa lý luận: Luận văn sẽ đưa cái nhìn tổng thể, có hệ thống về hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực dưới góc độ thẩm quyền UBND cấp huyện theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP. Làm cơ sở để hoàn thiện hơn hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính hiện nay.

Ý nghĩa thực tiễn: Qua việc tìm hiểu, phân tích thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12, từ đó có những giải pháp nhằm hoàn thiện trong cách thức quản lý đối với lĩnh vực này, bên cạnh đó luận văn cũng là tài liệu tham khảo cho các địa phương có nhu cầu.

7. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của luận văn được kết cấu thành 03 chương.

Chương I: Cơ sở lý luận và pháp lý về quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn quận.

Chương II: Thực trạng quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện cho hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12.

Chương I. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN

1.1. Những vấn đề chung về chứng thực

1.1.1. Khái niệm chứng thực

Theo Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về Công chứng, chứng thực định nghĩa về chứng thực như sau: *"Chứng thực là việc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác nhận sao y giấy tờ, hợp đồng, giao dịch và chữ ký của cá nhân trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của họ theo quy định"* [5]. Tuy nhiên, Nghị định 79/2007/NĐ-CP và nay là Nghị định 23/2015/NĐ-CP không có quy định nào định nghĩa về chứng thực mà chỉ đưa ra định nghĩa các hoạt động chứng thực cụ thể như: cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Pháp luật hiện hành không khái niệm cụ thể chứng thực là gì, nhưng thông qua các quy định tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì chúng ta có thể hiểu chứng thực là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận đối với các giấy tờ, văn bản, hợp đồng, giao dịch dân sự của cá nhân, tổ chức qua đó đảm bảo tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp của giấy tờ, văn bản và các bên tham gia giao dịch, nội dung giao dịch. Bao gồm: cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Tuỳ theo cách tiếp cận, mục đích, phạm vi và thời điểm nghiên cứu sẽ có cách hiểu khác nhau về hoạt động chứng thực. Chẳng hạn:

Tại Thụy Sĩ, chỉ có quy định điều chỉnh về hoạt động chứng thực mà chưa có sự tách biệt riêng thành Luật Công chứng, Luật Chứng thực, còn chứng thực có thể hiểu là: *"Việc chứng thực áp dụng đối với chữ ký, bản sao chụp, trích lục, sao chép hoặc dịch."*[39]

Tại Cộng hoà Liên bang Đức, tại Điều 39 Chương III Luật Công chứng ngày 28/09/1969 quy định về chứng thực đơn giản: *"Khi chứng thực chữ ký, dấu vân tay, tên họ cũng như khi chứng thực thời điểm xuất trình giấy tờ cá nhân, chứng thực việc đã vào sổ đăng ký hoặc chứng thực các bản sao lục và các văn bản đơn giản khác"*

thì chỉ cần một văn bản công chứng thay vì biên bản công chứng, trong đó có chữ ký, dấu niêm phong và ghi rõ ngày, nơi lập, văn bản công chứng là đủ."[39]

Ở nước ta, trong Sắc lệnh số 59/SL của Chủ tịch Hồ Chí Minh về ấn định thể lệ việc thị thực giấy tờ, Người không dùng *"chứng thực"* mà sử dụng thuật ngữ *"thị thực"*: *"Các uỷ ban có quyền thị thực tất cả các giấy má trong địa phương mình, bất kỳ người đương sự làm giấy má ấy thuộc về quốc tịch nào. Tuy nhiên, Uỷ ban thị thực phải là Uỷ ban ở trú quán một bên đương sự lập ước và về việc bất động sản phải là Uỷ ban ở nơi sở tại bất động sản."*

Thông tư số 858/QLTPK ngày 10/10/1987 quy định về công chứng nhà nước là văn bản pháp luật đầu tiên xuất hiện thuật ngữ *"chứng thực"*: *Công chứng viên có thể chứng thực chữ ký của người lập ra các đơn từ, giấy tờ khác có nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội chủ nghĩa.*

Tại Điều 19 Nghị định số 31/CP ngày 18/05/1996 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của công chứng nhà nước:

"Uỷ ban nhân dân quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh chứng thực các việc do pháp luật quy định và chứng thực bản sao giấy tờ từ bản chính, trừ các việc được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 của Nghị định này Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng thực việc từ chối nhận di sản, chứng thực di chúc và các việc khác do pháp luật quy định."

Tại Việt Nam năm 2000 với việc ban hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 về công chứng, chứng thực (gọi tắt là *Nghị định 75/2000/NĐ-CP*) thì mới có sự phân biệt giữa thuật ngữ *"công chứng"* và *"chứng thực"*. Theo đó *"Chứng thực là việc Uỷ ban nhân dân cấp huyện, cấp xã xác nhận sao y giấy tờ, hợp đồng giao dịch và chữ ký của cá nhân trong các giấy tờ phục vụ cho việc thực hiện các giao dịch của họ theo quy định."*

Như vậy theo quy định số 75/2000/NĐ-CP hoạt động chứng thực bao gồm:

-
- Xác nhận sao y giấy tờ;
 - Xác nhận hợp đồng, giao dịch;
 - Xác nhận chữ ký.

Tiếp đến là sự ra đời của Luật Công chứng 2006 điều chỉnh hoạt động công chứng và Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18/05/2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính (gọi tắt là Nghị định 79/2007/NĐ-CP) điều chỉnh hoạt động chứng thực sao y bản chính, cấp bản sao từ sổ gốc và chứng thực chữ ký. Như vậy hoạt động công chứng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Công chứng 2006, hoạt động chứng thực thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 79/2007/NĐ-CP, tuy nhiên nghị định này chưa nêu khái niệm "*Chứng thực*" mà chỉ giải thích việc cụ thể từng mảng của hoạt động chứng thực. Có thể thấy phạm vi của hoạt động chứng thực chỉ còn:

- Cấp bản sao từ sổ gốc;
- Chứng thực bản sao từ bản chính;
- Chứng thực chữ ký cá nhân (bao gồm bản dịch từ Tiếng việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại) trong các loại giấy tờ, văn bản phụ vụ cho giao dịch dân sự.

Nghị định 79/2007/NĐ-CP không điều chỉnh chứng thực hợp đồng, giao dịch được quy định theo Luật Đất đai 2003 và các văn bản hướng dẫn; Luật Nhà ở năm 2005 và các văn bản hướng dẫn; như vậy vô hình chung Nghị định 88/2009/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/10/2009 về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (gọi tắt là Nghị định 88/2009/NĐ-CP) quy định cụ thể các loại hợp đồng, giao dịch, giao dịch mà UBND cấp xã được chứng thực, sẽ chồng chéo với hoạt động công chứng thuộc thẩm quyền của Phòng Công chứng và Văn phòng công chứng. Bởi bản chất của hoạt động công chứng là xác nhận tính hợp pháp của các hợp đồng, giao dịch, thẩm quyền này đã giao cho các tổ chức hành nghề công chứng. Nhận thấy được điều này nên Nghị định 88/2009/NĐ-CP đã quy định cho

UBND cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện các biện pháp phát triển tổ chức hành nghề công chứng ở địa phương để đáp ứng yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất; xem xét, quyết định chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch mà UBND cấp huyện, cấp xã đang thực hiện sang tổ chức hành nghề công chứng ở địa bàn cấp huyện mà các tổ chức hành nghề công chứng đáp ứng được yêu cầu. Ở những nơi tổ chức hành nghề công chứng đáp ứng được yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch thì UBND cấp tỉnh sẽ quyết định cho các tổ chức này làm, đồng thời UBND cấp huyện, cấp xã của địa bàn đó không thực hiện chức năng chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Tại Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/08/2008 về Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 79/2007/NĐ-CP. Luật Công chứng 2006 và Nghị định 79/2007/NĐ-CP đã phân biệt được hai hoạt động công chứng và chứng thực, theo đó công chứng là việc công chứng viên chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch; còn Phòng Tư pháp cấp huyện, UBND cấp xã có thẩm quyền chứng thực bản sao từ bản chính, chữ ký trong các loại văn bản, giấy tờ.

Theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Hoạt động chứng thực được cụ thể hoá trong các thuật ngữ:

- Chứng thực bản sao từ bản chính;
- Chứng thực chữ ký;
- Chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Hiện hay chủ trương chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch sang các tổ chức hành nghề công chứng được thực hiện tại 63/63 tỉnh thành của cả nước. Tuy nhiên đối với các hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản thì vẫn được đảm nhiệm của UBND cấp huyện, UBND cấp xã, như vậy sẽ giảm tải áp lực cho các tổ chức hành nghề công chứng.

Tóm lại, trải qua các thời kỳ cho đến nay, Việt Nam chưa có văn bản pháp luật nào có khái niệm rõ ràng và đầy đủ bản chất của hoạt động chứng thực, mà chỉ có khái niệm gắn chứng thực với một việc cụ thể nào đó. Tuy nhiên có thể khái quát chứng thực như sau: *"Chứng thực là việc các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực xác nhận tính chính xác, hợp pháp của các giấy tờ, văn bản, chữ ký của cá nhân, sự kiện pháp lý, thông tin cá nhân, để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các cá nhân, tổ chức có liên quan trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính,..."*

1.1.2 Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực

Căn cứ theo Điều 5, Nghị định 23/2015/NĐ-CP, chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực là Phòng Tư pháp của UBND cấp huyện, UBND cấp xã, các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức ngoại giao của Việt Nam, Tổ chức lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác được uỷ quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.

- *Đối với Phòng Tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Phòng Tư pháp) có thẩm quyền và trách nhiệm:*

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;

c) Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài;

d) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

đ) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.

Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Tư pháp thực hiện chứng thực các việc quy định tại Khoản này, ký chứng thực và đóng dấu của Phòng Tư pháp.

- *Đối với Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm:*

a) Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;

b) Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản, trừ việc chứng thực chữ ký người dịch;

c) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;

d) Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai;

đ) Chứng thực hợp đồng, giao dịch về nhà ở theo quy định của Luật Nhà ở;

e) Chứng thực di chúc;

g) Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản;

h) Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là tài sản quy định tại các Điểm c, d và đ Khoản này.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện ký chứng thực và đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Đối với cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự và Cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là Cơ quan đại diện) có thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực các việc quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này. Viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự ký chứng thực và đóng dấu của Cơ quan đại diện [3].*

- Đối với Công chứng viên có thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực các việc quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều này, ký chứng thực và đóng dấu của Phòng công chứng, Văn phòng công chứng (sau đây gọi chung là tổ chức hành nghề công chứng)[3].

Chủ thể thực hiện hoạt động chứng thực có thể là cá nhân, tổ chức nhà nước và cũng có thể là cá nhân, tổ chức được uỷ quyền trong xã hội thực hiện. Nhìn chung chủ thể cung ứng dịch vụ đa dạng, tạo điều kiện cho người dân lựa chọn và mang tính cạnh tranh cao trong quá trình hoàn thiện chất lượng dịch vụ.

1.1.3 Nội dung, đặc điểm, phân loại chứng thực và phân biệt hoạt động chứng thực với hoạt động công chứng

a. Nội dung chứng thực

Chứng thực là hoạt động mang tính chất hành chính - pháp lý của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực sao y bản chính, chứng thực chữ ký, hợp đồng giao dịch và chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản theo quy định của pháp luật. Về bản chất cơ quan thực hiện chứng thực chỉ chứng thực đúng bản sao từ bản chính, bản sao từ sổ gốc, chứng thực chữ ký, trạng thái năng lực hành vi dân sự, thời gian, địa điểm của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật. Người chứng thực phải chịu trách nhiệm về nội dung, tính hợp pháp của văn bản, giấy tờ, điều khoản thoả thuận mà mình yêu cầu chứng thực.

b. Đặc điểm chứng thực

Một là, chứng thực là hoạt động mang tính hành chính pháp lý do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện.

Khác với hoạt động công chứng của Văn phòng công chứng không mang tính quyền lực nhà nước và có thể uỷ quyền, hoạt động chứng thực do UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan đại diện Việt Nam và ngoài ra vẫn do các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện nhưng được giới hạn bởi phạm vi cung ứng dịch vụ trong một số lĩnh vực.

Hai là, chứng thực là xác thực giá trị pháp lý của văn bản theo quy định của pháp luật.

Đó là hoạt động nhân bản các giấy tờ có tính pháp lý đã được cơ quan nhà nước xác nhận cho phép áp dụng trong các giao dịch, quan hệ xã hội. Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cá nhân, tổ chức. Mục tiêu xa hơn đó là phục vụ cho hoạt động quản lý nhà nước được hiệu lực, hiệu quả.

Ba là, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về tính xác thực của văn bản đã chứng thực.

Vì là hoạt động có tính quyền lực nhà nước nên chủ thể thực hiện phải có trách nhiệm về hành vi của mình trong việc xác thực, điều này thể hiện tính pháp quyền xã hội chủ nghĩa và tăng cường tính pháp chế trong các hoạt động cung ứng dịch vụ công.

c. Phân loại chứng thực:

Nếu tiếp cận theo chủ thể thực hiện thì:

- Phòng Tư pháp của UBND cấp huyện;
- UBND cấp xã;
- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức được uỷ quyền;
- Các Tổ chức hành nghề công chứng.

Nếu tiếp cận theo nội dung thực hiện thì:

- Chứng thực bản sao từ bản chính;
- Cấp bản sao từ sổ gốc;
- Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản;
- Chứng thực hợp đồng, giao dịch;

d. Phân biệt hoạt động chứng thực với hoạt động công chứng:

Trên thực tế vẫn còn nhiều trường hợp nhầm lẫn giữa hoạt động chứng thực và hoạt động công chứng, về cơ bản có thể phân biệt hai hoạt động này như sau:

Một là, về khái niệm:

"Công chứng" là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi chung là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng. (Điều 2, Luật công chứng 2014).

"Chứng thực" là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện xác nhận tính chính xác, hợp pháp của bản sao từ sổ gốc, bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực các hợp đồng, giao dịch. Bao gồm các hoạt động sau: Cấp bản sao từ sổ gốc; Chứng thực bản sao từ bản chính; Chứng thực chữ ký.

Hai là, về thẩm quyền và nội dung thực hiện:

Công chứng là hoạt động do cơ quan hỗ trợ tư pháp thực hiện:

- Phòng Công chứng (do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập, là đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Tư pháp, có tư cách pháp nhân).
- Văn phòng công chứng (do 02 công chứng viên trở lên thành lập theo quyết định của UBND tỉnh và được Sở Tư pháp cấp giấy phép hoạt động theo mô hình công ty hợp danh, cũng có con dấu và tài khoản riêng, thu nhập từ nguồn phí và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

Chứng thực là thẩm quyền chủ yếu do cơ quan nhà nước thực hiện:

- UBND cấp huyện (do Phòng Tư pháp phụ trách, tham mưu);
 - UBND cấp xã;
 - Cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan khác được ủy quyền thực hiện chức năng lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài.
 - Công chứng viên;
-

Tuỳ từng loại giấy tờ mà hoạt động chứng thực được thực hiện ở cơ quan khác nhau.

Ba là, về giá trị pháp lý:

Về giá trị pháp lý của văn bản công chứng: Có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan; trong trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ của mình thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp các bên tham gia hợp đồng, giao dịch có thỏa thuận khác; có giá trị chứng cứ; những tình tiết, sự kiện trong văn bản công chứng không phải chứng minh, trừ trường hợp bị Tòa án tuyên bố là vô hiệu”. Về giá trị pháp lý của văn bản được chứng thực: Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính có giá trị pháp lý sử dụng thay cho bản chính trong các giao dịch; Chữ ký được chứng thực có giá trị chứng minh người yêu cầu chứng thực đã ký chữ ký đó, là căn cứ để xác định trách nhiệm của người ký về nội dung của giấy tờ, văn bản”.

Tóm lại, hoạt động công chứng và hoạt động chứng thực là hai lĩnh vực hoàn toàn khác nhau, khác về thẩm quyền, khác về đối tượng, tính chất công việc và khác nhau về tính chất pháp lý. Đây là cơ sở để đổi mới về nhận thức lý luận về hoạt động chứng thực ở Việt Nam hiện nay.

1.2. Quản lý nhà nước đối với chứng thực

1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của quản lý nhà nước đối với chứng thực

1.2.1.1. Khái niệm quản lý nhà nước đối với chứng thực

Quản lý là hoạt động có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý tác động đến đối tượng quản lý, bằng các công cụ, phương pháp quản lý để đạt được mục tiêu đã định trước.

Quản lý nhà nước (QLNN) được hiểu theo hai phạm vi:

Theo nghĩa rộng: QLNN là toàn bộ hoạt động của Nhà nước nói chung, mọi hoạt động mang tính Nhà nước, nhằm thực hiện các nhiệm vụ, chức năng của Nhà nước. Chủ thể của QLNN theo nghĩa rộng là tất cả các cơ quan Nhà nước của bộ máy

nhà nước, tức là cả hệ thống các cơ quan thực hiện chức năng Lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Theo nghĩa hẹp: QLNN theo nghĩa rộng bao hàm QLNN theo nghĩa hẹp, chủ thể chủ yếu QLNN theo nghĩa hẹp là toàn bộ hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước đứng đầu là Chính phủ và các cơ quan, tổ chức trực thuộc.

Như vậy, *bản chất của QLNN chính là bản chất của hoạt động chấp hành và điều hành. Hoạt động chấp hành là việc thực hiện trên thực tế các luật và các văn bản mang tính chất luật của Nhà nước, các văn bản pháp luật của cơ quan cấp trên nói chung. Điều hành là hoạt động dựa trên cơ sở luật và các văn bản cấp trên để chỉ đạo trực tiếp hoạt động của đối tượng được quản lý.*[12,tr.407]

Quản lý nhà nước đối với chứng thực là việc nhà nước thông qua các hoạt động xây dựng, hoàn thiện pháp luật về chứng thực, tổ chức thực hiện pháp luật về chứng thực, xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực, thực hiện sự tác động mang tính quyền lực nhà nước lên các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chứng thực nhằm định hướng cho xử sự của các chủ thể tham gia trong lĩnh vực chứng thực phù hợp với yêu cầu của pháp luật.

1.2.1.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước đối với chứng thực

Quản lý nhà nước đối với chứng thực có những đặc điểm của quản lý nhà nước nói chung, song cũng có những đặc điểm riêng, do tính chất đặc thù của lĩnh vực chứng thực quy định. Đó là những đặc điểm sau:

Một là, chủ thể thực hiện quản lý nhà nước đối với chứng thực

Chủ thể quản lý nhà nước đối với chứng thực là các cơ quan nhà nước, tổ chức được pháp luật quy định có thẩm quyền quản lý hoặc tham gia quản lý nhà nước về chứng thực. Các cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với chứng thực được tổ chức thành một hệ thống hoạt động theo nguyên tắc tập trung, thống nhất chỉ đạo, điều hành quản lý từ Trung ương xuống địa phương.

Chủ thể thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực được quy định chi tiết từ Điều 41 đến Điều 43 của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

Hai là, công cụ quản lý nhà nước đối với chứng thực

Quản lý nhà nước đối với chứng thực sử dụng các quy định pháp luật về chứng thực là chủ yếu. Các quy định này tồn tại dưới hình thức một hệ thống từ nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều lĩnh vực. Các quy định được hoàn thiện dần theo thời gian, hiện nay trên thực tế căn cứ chủ yếu tiến hành hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực là Nghị định 23/2015/NĐ-CP, đồng thời vẫn xem xét lĩnh vực chứng thực trong khuôn khổ các Bộ Luật, Luật và quy định liên quan để hợp lý nhất.

Ba là, đối tượng quản lý nhà nước đối với chứng thực

Đối tượng của quản lý nhà nước đối với chứng thực đa dạng, nó bao gồm hoạt động của các cá nhân, tổ chức cung ứng dịch vụ chứng thực từ trong và ngoài Nhà nước thực hiện.

Cán bộ tư pháp, cơ quan tư pháp cấp dưới là đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước cấp trên là cơ quan quản lý theo ngành dọc. Ở những lĩnh vực quản lý chuyên ngành liên quan, phải chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan quyền lực ở Trung ương và địa phương. Những đối tượng bị quản lý phải định kỳ hoặc đột xuất báo cáo tình hình hoạt động của ngành với Bộ Tư pháp, UBND cùng cấp, báo cáo công tác tư pháp trong đó có hoạt động chứng thực trước HĐND địa phương, chịu sự giám sát của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND, Mặt trận và đoàn thể ở địa phương...

UBND cấp dưới là đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước cấp trên. UBND cấp Tỉnh chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước về chứng thực tại địa phương do mình quản lý.

Các cơ quan khác của Nhà nước là đối tượng quản lý nhà nước đối với chứng thực gồm: Bộ Tài chính, Cục kiểm soát thủ tục hành chính, Bộ ngoại giao,... là đối tượng quản lý khi thực hiện chức năng phối hợp hoạt động, phải chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các chủ thể quản lý có thẩm quyền.

Bốn là về mục đích quản lý nhà nước về chứng thực

Mục đích riêng của quản lý nhà nước về chứng thực là quản lý chặt chẽ các quan hệ xã hội, đảm bảo hoạt động chứng thực được thực hiện theo đúng các quy định

của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, đảm bảo giá trị về mặt pháp lý cho giấy tờ, văn bản, hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.

Mục đích tổng quát của quản lý nhà nước đối với chứng thực là nhằm thể chế hoá đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ động hội nhập; tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hoá; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội, thúc đẩy công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước...

1.2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy cung ứng dịch vụ chứng thực

Cơ cấu tổ chức bộ máy là sự sắp xếp theo một trật tự của các bộ phận trong một cơ quan, tổ chức để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, chức năng của mình. Tùy vào mỗi chức năng, nhiệm vụ cũng như loại hình dịch vụ cung ứng mà có sự bố trí, sắp xếp khác nhau cho phù hợp và thuận tiện.

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả chỉ nêu dẫn chứng về cơ cấu tổ chức cung ứng dịch vụ chứng thực của UBND cấp huyện theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

Cơ cấu tổ chức bộ máy cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện được tổ chức theo cơ cấu ngành dọc. Cơ quan chuyên môn tại UBND cấp huyện đảm nhận trực tiếp cung ứng dịch vụ này là Phòng Tư pháp sẽ chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ từ cơ quan chuyên môn cấp trên – sở Tư pháp, đồng thời chịu sự chỉ đạo của UBND cùng cấp và thực hiện chỉ đạo hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho công chức chuyên trách tại UBND cấp xã.

Cùng với các loại hình DVHCC khác, cơ cấu tổ chức bộ máy cung ứng dịch vụ chứng thực được tổ chức theo mô hình cơ chế một cửa tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan HCNN ở địa phương, có thể khái quát như sau:

Một, *lãnh đạo của Phòng Tư pháp*. Bộ phận này sẽ thực hiện ký chứng thực các văn bản, hồ sơ đã được chứng thực và chịu trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sai sót về nghiệp vụ hay vi phạm pháp luật trong hoạt động chứng thực. Ngoài ra, lãnh đạo

phòng còn có trách nhiệm trong công tác chỉ đạo QLNN về chứng thực theo phạm vi thẩm quyền được phân cấp trong quy định của pháp luật.

Hai, *bộ phận đảm nhận trực tiếp hoạt động chứng thực tại Phòng Tư pháp*. Cơ cấu nhân sự cho bộ phận này thường từ một đến hai công chức có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, giải đáp thắc mắc, thực hiện nghiệp vụ chứng thực, trình lãnh đạo ký chứng thực. Do vậy, đây cũng là bộ phận chịu trách nhiệm cùng với lãnh đạo nếu để ra sai sót hay có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình cung ứng dịch vụ này.

Ba, *bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (TN&TKQ)*- trực thuộc Văn phòng UBND cấp huyện. Đây là bộ phận được thiết lập nhằm TN&TKQ hồ sơ cho người dân tại một đầu mối, có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ từ phía người dân, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn, giải đáp thắc mắc về thủ tục hành chính có liên quan, chuyển hồ sơ cho Phòng Tư pháp và trả kết quả cho người dân.

1.2.3. Quy trình cung ứng dịch vụ

Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả chỉ nêu dẫn chứng về quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực của UBND cấp huyện theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

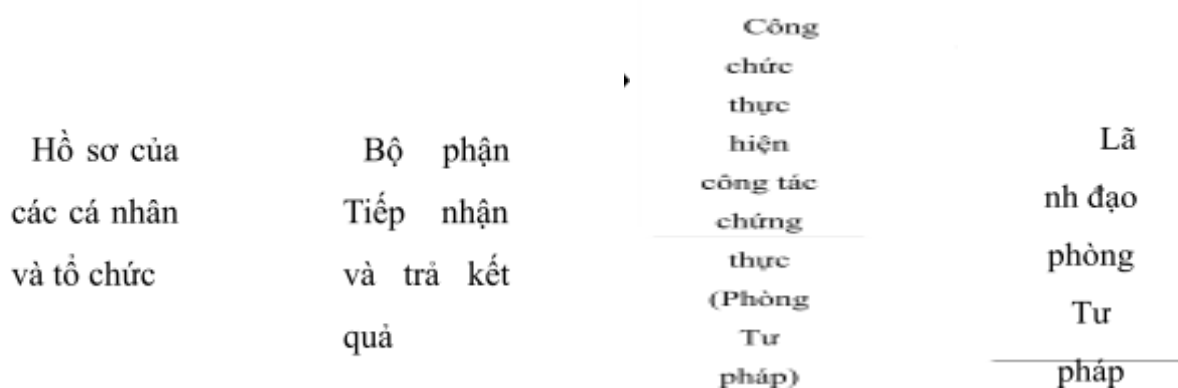
Mỗi một DVHCC đều được quy định về quy trình, thủ tục hành chính theo quy định để đảm bảo hoạt động được diễn ra một cách hiệu quả, hợp lý và thuận tiện cho người dân. Được vận hành theo cơ chế một cửa, do vậy, có thể khái quát quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện được tiến hành như sau:

Bảng 1.1. Quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện theo cơ chế một cửa

STT	Quy trình thực hiện	Công việc tương ứng	Đơn vị đảm nhận thực hiện
1	Tiếp nhận hồ sơ	• Tiếp nhận hồ sơ • Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ • Nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ, giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ

2	Chuyển hồ sơ	- Lập phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Chuyển hồ sơ và phiếu kiểm soát quy trình giải quyết hồ sơ cho Phòng Tư pháp.	Bộ phận TN&TKQ
3	Giải quyết hồ sơ	- Công chức đảm nhận công tác chứng thực thẩm định + Nếu hồ sơ phù hợp với quy định thì tiến hành nghiệp vụ chứng thực => Trình lãnh đạo phòng ký chứng thực => Đóng dấu Phòng Tư pháp, chuyển kết quả bộ phận TN&TKQ. + Nếu hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết theo quy định pháp luật thì báo cáo lãnh đạo phòng, trả lại hồ sơ kèm thông báo bằng văn bản cho bộ phận TN&TKQ.	Phòng Tư pháp
4	Trả kết quả giải quyết hồ sơ	- Đối với hồ sơ đã được giải quyết => TN&TKQ cho người dân => Nhập vào Sổ theo dõi hồ sơ và phần mềm điện tử (nếu có) => Thu lệ phí. - Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết => Liên hệ cá nhân, tổ chức đề yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của Phòng Tư pháp và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ).	Bộ phận TN&TKQ

Sơ đồ 1.1. Quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện theo cơ chế một cửa.



1.2.4. Nội dung quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND cấp huyện

Pháp luật là công cụ quan trọng để nhà nước tổ chức quản lý xã hội nhất là khi xây dựng một chế độ xã hội mới. Cho nên, nhà nước cần phải thực hiện các hoạt động xây dựng và hoàn thiện pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật, xử lý vi phạm pháp

luật. Đây là ba khâu quan trọng của qui trình quản lý nhà nước bằng pháp luật, hoạt động quản lý nhà nước sẽ không thực hiện được nếu thiếu một trong ba khâu đó. Giữa chúng tồn tại một mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời cấu thành nội dung của quản lý nhà nước bằng pháp luật. Quản lý nhà nước về chứng thực cũng vậy, nội dung của nó được cấu thành từ ba khâu là xây dựng và hoàn thiện các qui định của pháp luật về chứng thực, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về chứng thực, bảo vệ các quy định của pháp luật về chứng thực.

Ở nước ta hoạt động quản lý nhà nước về chứng thực do Chính phủ quản lý chung thống nhất. Bộ Tư pháp tham mưu cho Chính phủ về hoạt động này trên phạm vi cả nước; Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về chứng thực đối với các Cơ quan đại diện. Ở địa phương là hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp quản lý tại địa bàn thuộc phạm vi thẩm quyền.

Tại Khoản 2, Điều 43 của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015, UBND cấp huyện thực hiện quản lý nhà nước đối với chứng thực trong địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

Một là, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn

Cán bộ, công chức là nguồn lực quan trọng để nền hành chính quốc gia hoạt động hiệu quả. Hoạt động thực thi công vụ của cán bộ, công chức có tác động rất lớn đến tình hình ổn định của đất nước trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội với yêu cầu ngày càng cao của hệ tiêu chuẩn, tiêu chí quy định đối với cán bộ, công chức nên chỉ thông qua đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ mới có thể đáp ứng được việc nâng cao trình độ, kiến thức, phẩm chất để thực thi công việc được tốt hơn. Lĩnh vực chứng thực cũng không ngoại lệ, đây là một hoạt động liên quan đến nhiều lĩnh vực, đặc thù ở việc các quy định thường xuyên cập nhật để phù hợp với thực tế, nếu không có các hoạt động bồi dưỡng, nâng cao tay nghề cho cán bộ, công chức thì rất dễ lúng túng, thậm chí làm sai. Đồng thời, thông qua hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sẽ là phương tiện tương tác với thực tiễn mà cán bộ, công chức gặp khó khăn trong quá trình làm việc để hoàn thiện các quy định về chứng thực sao cho hài hoà và không chồng chéo với các quy định của lĩnh vực khác.

Đối với UBND cấp xã, hoạt động chứng thực được xem là một trong những công việc nhiều áp lực, tiếp xúc trực tiếp với dân, nhiều loại giấy tờ, nhiều thắc mắc và đòi hỏi cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phải nắm rõ chuyên môn, nghiệp vụ. Thực tế có những vấn đề phát sinh không phải lúc nào họ cũng đủ khả năng, thẩm quyền đáp ứng cho người dân, do đó, việc hướng dẫn, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ cấp cơ sở là thiết thực. Đó có thể là hoạt động cung cấp tài liệu liên quan, là mở lớp tập trung cán bộ chứng thực để phổ biến quy định mới, kỹ năng nghiệp vụ khác. Hoặc thậm chí việc hướng dẫn được trao đổi qua điện thoại, email.

Hai là, tổ chức thực tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chứng thực

Chứng thực là một hoạt động liên quan đến hầu hết các lĩnh vực đời sống, với hệ thống quy định có tần suất biến động cao (lịch sử cho thấy khoảng năm 05 năm lại thay đổi quy định), chưa ổn định, thẩm quyền đa dạng, nếu không được tiếp cận thông tin thì người dân rất dễ nhầm lẫn và tất nhiên sẽ có sai phạm.

Bằng trách nhiệm, thẩm quyền và chức năng của mình, UBND cấp huyện có thể tổ chức tuyên truyền dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Chẳng hạn như:

Tổ chức buổi tọa đàm, phổ biến đến cán bộ, công chức đang công tác trong lĩnh vực chứng thực tại địa phương và các tổ chức, cá nhân có liên quan đảm bảo các đối tượng này có thể nắm bắt, triển khai, vận dụng và thi hành một cách hiệu quả, đúng pháp luật. Đồng thời, hướng dẫn các cấp cơ sở trong việc tổ chức các buổi tuyên truyền đến người dân đảm bảo đa số người dân được tiếp cận đến pháp luật trong lĩnh vực này một cách đơn giản và dễ hiểu nhất.

Hoạt động niêm yết, công khai là hoạt động triển khai niêm yết thủ tục hành chính, lệ phí, đảm bảo luôn cập nhật thủ tục, chủ thể giải quyết, lệ phí hiện hành, thời gian trả kết quả. Bên cạnh đó, nêu cao tinh thần xây dựng mô hình chính phủ điện tử với hàng loạt các thủ tục hành chính, dịch vụ công được cung cấp trực tuyến, chú trọng cấp độ 3, 4 nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân, đồng thời nâng cao mức độ chuyên nghiệp, kỹ năng cho cán bộ, công chức. Và đây cũng chính là một kênh phổ biến pháp luật hiệu quả.

Về cơ bản, mục đích của việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung và quy định về chứng thực nói riêng là nhằm đem lại hiểu biết, nghiêm túc chấp hành,

không làm trái pháp luật và xây dựng ý thức thượng tôn pháp luật làm cho cán bộ, công chức, người dân. Các hoạt động này một mặt làm cho pháp luật của Nhà nước đi vào đời sống xã hội, mặt khác nhằm nâng cao nhận thức của người dân khi thực hiện pháp luật.

Ba là, cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực

Căn cứ Điều 40 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, việc cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực, như sau:

1. Cơ quan lưu trữ hợp đồng, giao dịch có trách nhiệm cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực theo yêu cầu của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch.

2. Người yêu cầu cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch phải xuất trình bản chính hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng để người thực hiện chứng thực kiểm tra.

3. Việc chứng thực bản sao từ bản chính hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 20 của Nghị định này.

Ngoài ra, UBND cấp huyện là một trong những chủ thể được trao thẩm quyền cung ứng dịch vụ chứng thực, hoạt động này tại cơ quan này được phân tích ở những khía cạnh sau:

+ Về thẩm quyền cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND cấp huyện

Tại Khoản 1, Điều 5, Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch đã quy định cụ thể về thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực của Phòng Tư pháp cấp huyện cụ thể như sau:

Thứ nhất, *Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản.* Đây là những văn bản thông thường, mang tính phổ biến do vậy được đảm bảo cung ứng bởi tất cả các chủ thể được trao quyền thực hiện dịch vụ này.

Thứ hai, *chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.* Đây là đặc quyền chỉ có Phòng Tư pháp và tổ chức hành nghề công chứng và cơ quan đại diện mới được chứng thực.

Thứ ba, *Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.* Đây được xem như là một trong những nội dung mà chỉ Phòng Tư pháp và cơ quan đại diện là được quyền thực hiện. Vì thủ tục khi triển khai hoạt động này cần đến cộng tác viên dịch thuật và chỉ có Phòng Tư pháp là được phép tuyển dụng nhân sự này hay người có trình độ, chuyên môn về ngoại ngữ - nhân viên làm việc tại cơ quan lãnh sự. Đội ngũ này sẽ chịu trách nhiệm đối với nội dung, chất lượng của bản dịch. Do vậy, đây được xem là một trong những loại hình chứng thực bị giới hạn nhất về cơ quan thực hiện.

Thứ tư, *Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản.* Theo điều 107, Bộ Luật Dân sự năm 2015 đã quy định “ Bất động sản là các tài sản bao gồm: Đất đai; Nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất đai, kể cả các tài sản gắn liền với nhà, công trình xây dựng đó; các tài sản khác gắn liền với đất đai. Động sản là những tài sản không phải là động sản”[29]. Do vậy, tất cả các hợp đồng, giao dịch, văn bản thỏa thuận phân chia di sản liên quan đến tài sản là động sản mà pháp luật đã quy định như trên đều sẽ được chứng thực tại Phòng Tư pháp.

Bốn là, lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực

Việc lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực được quy định tại Điều 14 Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và Điều 5 Thông tư 20/2015/TT-BTP hướng dẫn Nghị định 23/2015/NĐ-CP.

UBND cấp huyện là một trong những tổ chức trực tiếp cung ứng dịch vụ chứng thực do vậy mà lưu trữ sổ chứng thực cũng là một trong những nội dung mà cơ quan này thực hiện, để phục vụ cho công tác QLNN, giải quyết các khiếu nại trong những trường hợp cần thiết. Để đảm bảo cho hoạt động này được diễn ra một cách an toàn,

hiệu quả thì mỗi cơ quan cần phải trang bị những phương tiện, vật chất cần thiết đồng thời tùy vào loại hồ sơ, thời hạn lưu trữ mà có những cách thức thực hiện khác nhau.

Sổ chứng thực là một trong những tài liệu không thể thiếu phục vụ cho quá trình QLNN. Đây là công cụ dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được thiết lập dưới hai hình thức phổ biến là thiết lập sổ chứng thực theo hình thức truyền thống và trên máy tính. Việc thiết lập sổ cũng cần phải đảm bảo theo những hướng dẫn về mặt nghiệp vụ trong quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, tùy vào từng loại chứng thực mà thiết lập các mẫu sổ chứng thực khác nhau theo mẫu chung đã được quy định để đảm bảo đầy đủ thông tin lưu trữ. Sổ chứng thực là tài liệu lưu trữ của Nhà nước, được bảo quản, lưu trữ vĩnh viễn. Do vậy, có thể nhận thấy rằng cách thức lưu trữ bằng hệ thống công nghệ thông tin sẽ tiện ích rất nhiều trong việc tiết kiệm được không gian, giấy tờ và yếu tố lưu trữ dài hạn sẽ được đảm bảo tối ưu và hiệu quả nhất.

Về giá trị lưu trữ có thể hiểu là giá trị pháp lý và thời gian lưu trữ đối với từng loại giấy tờ, văn bản khác nhau. Cụ thể, đối với chứng thực hợp đồng, giao dịch thì cơ quan, tổ chức thực hiện phải lưu trữ 01 bản chính và trong thời hạn 20 năm; còn đối với chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch thì lưu trữ 02 năm kèm theo một bản đã chứng thực. Đồng thời, trong pháp luật hiện hành thì hoạt động lưu trữ đối với chứng thực bản sao từ bản chính đã được hủy bỏ. Với một khối lượng lớn các hồ sơ chứng thực từ loại hình này cùng với nhu cầu người dân ngày càng tăng thì đây được đánh giá là một trong những giải pháp giúp giảm bớt về khối lượng hồ sơ lưu trữ.

Rõ ràng việc lưu trữ có giá trị đối chiếu và hạn chế rủi ro cho chủ thể hoạt động chứng thực đồng thời phục vụ cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu quả.

Năm là, kiểm tra, thanh tra hoạt động chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp xã; có biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn

Kiểm tra và thanh tra đều là những công cụ quan trọng, một chức năng chung của quản lý nhà nước, là hoạt động mang tính chất phản hồi của “chu trình quản lý”. Qua kiểm tra, thanh tra, các cơ quan quản lý nhà nước có thể phân tích đánh giá theo dõi quá trình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quản lý đề ra.

Kiểm tra là một trong những hoạt động thường xuyên và liên tục trong hệ thống HCNN đối với các ngành và lĩnh vực nhằm đảm bảo hoạt động được diễn ra theo đúng pháp luật. Đây là hoạt động của cơ quan nhà nước cấp trên với cơ quan nhà nước cấp dưới trong quan hệ trực thuộc nhằm xem xét, đánh giá mọi mặt hoạt động của cấp dưới khi thấy cần thiết hoặc trong trường hợp cần kiểm tra một vấn đề cụ thể nào đó.[13,tr.21]

Đối với công tác kiểm tra chứng thực, Chính phủ vẫn chưa có văn bản QPPL nào quy định về thẩm quyền, hình thức, phương pháp kiểm tra cụ thể. Công tác kiểm tra chứng thực thường được thực hiện lồng ghép với các cuộc kiểm tra tư pháp do UBND cấp huyện (dưới sự tham mưu của Phòng Tư pháp cấp huyện) đối với cơ quan QLNN về chứng thực cấp dưới.

Kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND cấp xã, có biện pháp chấn chỉnh tình hình lạm dụng yêu cầu bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn. Kiểm tra của UBND cấp huyện đối với hoạt động chứng thực của UBND cấp xã được tiến hành dưới nhiều hình thức khác nhau:

UBND cấp huyện sẽ yêu cầu UBND cấp xã trong việc thực hiện các báo cáo định kỳ hay đột xuất theo yêu cầu để nắm bắt tình hình chứng thực tại các cơ sở.

UBND cấp huyện tiến hành chấm điểm hoạt động tư pháp hàng năm của các đơn vị này, thông qua đó kiểm tra hoạt động chứng thực tại địa phương.

Các cuộc kiểm tra được thực hiện định kỳ hay kiểm tra đột xuất trong trường hợp khẩn cấp.

Đối với công tác thanh tra về chứng thực thì hiện nay được thực hiện theo quy định của Luật Thanh tra năm 2010, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành tư pháp và Nghị định 23/2015/NĐ-CP. Các văn bản này quy định cụ thể về thẩm quyền của lực lượng thanh tra Tư pháp, trình tự, thủ tục về thanh tra đối với công tác QLNN về chứng thực. Theo quy định của Luật Thanh tra 2010 thì khái niệm hoạt động thanh tra có thể hiểu là việc xem xét, đánh giá việc chấp hành chính sách pháp luật, thực hiện những việc của các cơ quan, cá nhân, tổ chức thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan quản lý Nhà nước.

Từ những kết luận thanh tra, kiểm tra về thực hiện QLNN đối với chứng thực, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xây dựng những giải pháp chấn chỉnh phù hợp với từng

đối tượng trong phạm vi quản lý, thúc đẩy hiệu quả công tác QLNN đối với chứng thực.

Sáu là, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền

Đây là thẩm quyền của lãnh đạo UBND cấp huyện với sự tham mưu của Phòng Tư pháp. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật liên quan đến chứng thực giúp đảm bảo quyền và lợi ích của các cá nhân, tổ chức có liên quan khi có dấu hiệu bị xâm phạm, đồng thời góp phần đảm bảo tính nghiêm minh trong thực thi pháp luật, khẳng định bản chất Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân.

Trong QLNN đối với chứng thực, trách nhiệm và quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2012, Luật Tố cáo năm 2012. Đối với quy trình xử lý vi phạm hành chính được quy định cụ thể tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 03 năm 2013 về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Những văn bản pháp luật trên là căn cứ để các cá nhân, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ trong khuôn khổ quy định pháp luật xử lý vi phạm hành chính. Riêng việc áp dụng trách nhiệm hình sự đối với các hành vi làm giả con dấu, giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức có thẩm quyền được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bảy là, định kỳ 06 tháng và hằng năm, tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định

Phòng Tư pháp giúp UBND cấp huyện thực hiện việc tổng hợp và thống kê số liệu về chứng thực, trình UBND cấp huyện xem xét. Đó là số liệu cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao y bản chính, chứng thực chữ ký trong văn bản, giấy tờ, chứng thực hợp đồng, giao dịch, công tác lưu trữ và quản lý, sử dụng phí chứng thực của UBND cấp xã gửi về.

Bên cạnh hoạt động kiểm tra, thanh tra thì việc tổng hợp số liệu báo cáo cũng giúp UBND cấp huyện nắm bắt được tình hình chứng thực (nhu cầu chứng thực, khiếu nại, tố cáo liên quan đến chứng thực) để có những phương hướng quản lý phù hợp.

Việc tổng hợp, báo cáo tạo được cơ chế liên thông từ cấp xã đến cấp tỉnh, vừa nắm bắt được tình hình chứng thực, quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND cấp xã, vừa báo cáo hoạt động, xin chỉ đạo kịp thời và phương hướng phát triển phù hợp của UBND cấp tỉnh về quản lý nhà nước đối với chứng thực.

1.2.5. Sự cần thiết của quản lý nhà nước đối với chứng thực

QLNN là một trong những yêu cầu bức thiết đối với bất kỳ ngành, lĩnh vực nào trong xã hội. Và lĩnh vực chứng thực cũng vậy, sự cần thiết của QLNN xuất phát từ chính những điều kiện khách quan sau:

Một là, ***tạo khuôn khổ cho hoạt động chứng thực đi vào nề nếp***, đảm bảo cho hoạt động này diễn ra thống nhất, hợp lý, hiệu quả, thuận lợi cho người dân theo đúng tinh thần của Nhà nước. Hệ thống pháp luật được thiết lập rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan trong quá trình thực hiện dịch vụ chứng thực, là căn cứ pháp lý quan trọng giải quyết các tranh chấp nếu có. UBND cấp huyện là cơ quan trung gian giữa cấp tỉnh và cấp xã trong hệ thống cơ quan HCNN ở Việt Nam ta, đây sẽ là cơ quan đóng vai trò trong việc triển khai các chính sách, pháp luật của cấp trên và thực hiện công tác hoạch định nhằm hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan QLNN cấp dưới trong hoạt động này do vậy hệ thống pháp luật cũng cần đảm bảo tính hiệu lực và hiệu quả.

Hai là, ***đảm bảo nghiệp vụ chứng thực diễn ra chuyên nghiệp hiện đại, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân***. Xuất phát từ tính chất là lĩnh vực mang tính nhạy cảm, có sự tương tác thường xuyên và liên tục giữa người dân và tổ chức có thẩm quyền, do vậy cần có sự can thiệp của công tác QLNN để đảm bảo nghiệp vụ được thực hiện một cách chuyên nghiệp, hiệu quả, đồng thời có những chỉ đạo cải tiến, đổi mới liên tục đem đến sự hài lòng cho người dân.

Ba là, hiện nay với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ cùng với quá trình toàn cầu hoá thì cũng đã ***xuất hiện nhiều hành vi gian lận, trái pháp luật trong hoạt động chứng thực*** đặc biệt các hành vi này có dấu hiệu nguy hiểm, tinh vi và

phức tạp hơn, cần có sự quản lý để nhanh chóng phát hiện, xử lý kịp thời các vi phạm này để đảm bảo quyền và lợi ích của các cá nhân và tổ chức trong hoạt động giao dịch hàng ngày.

Bốn là, **hoạt động chứng thực cũng đã được xã hội hoá** thông qua việc chuyển giao một số thẩm quyền cho các tổ chức hành nghề công chứng. Vì vậy, rất cần sự can thiệp, quản lý để kiểm soát đảm bảo thực hiện theo đúng quy định pháp luật và định hướng của Nhà nước.

Như vậy, công tác QLNN đối với chứng thực là vô cùng cần thiết, đặc biệt là với tốc độ phát triển nhanh của xã hội cũng như nhu cầu của người dân ngày càng được nâng cao thì công tác Quản lý nhà nước lại càng quan trọng.

1.2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động QLNN trên địa bàn quận

Hoạt động chứng thực được thực hiện bởi các chủ thể khác nhau theo các nhu cầu, trong những điều kiện, hoàn cảnh khác nhau và chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố đến từ nhiều hướng khác nhau với những mức độ khác nhau. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động chứng thực của UBND cấp huyện, có thể nhìn nhận chúng dưới góc độ tác động bên trong và ngoài như sau:

- Các yếu tố bên trong:

+ Trình độ văn hoá, trình độ pháp luật của chủ thể

Đây là các yếu tố tác động trực tiếp đến hiệu quả thực hiện pháp luật về chứng thực. Trình độ dân trí cao là điều kiện đầu tiên, cơ bản để người dân dễ dàng hiểu biết pháp luật, nhận thức đúng pháp luật và dẫn đến việc thực hiện pháp luật tốt và ngược lại. Yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến chủ thể là những cá nhân, tổ chức yêu cầu chứng thực mà còn ảnh hưởng đến những chủ thể là những người thực hiện chứng thực. Bởi những người thực hiện chứng thực có trình độ văn hoá, trình độ pháp luật cao không chỉ nhận thức đúng đường lối, chính sách mà còn có khả năng giải quyết công việc nhanh chóng, đúng quy định của pháp luật.

+ Yếu tố tâm lý

Trong điều kiện xã hội hiện nay, truyền thống coi trọng tình nghĩa, quan hệ họ hàng, làng xóm của người Việt Nam là một nét đẹp, giá trị đời sống tinh thần của

người dân. Đây là nhân tố tích cực thúc đẩy các chủ thể thực hiện chứng thực tích cực hơn, nhiệt tình hơn vì họ không muốn mang tiếng xấu với người thân, làng xóm. Tuy nhiên, cũng từ tâm lý trọng tình nghĩa này tác động đến người thực hiện chứng thực có trường hợp nể nang, tùy tiện thực hiện chứng thực mà không đảm bảo trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật.

- Các yếu tố bên ngoài:

+ Sự phát triển kinh tế xã hội

Cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu chứng thực của các cá nhân, tổ chức là nhu cầu tất yếu của cuộc sống, xuất phát từ nhu cầu giao dịch của công dân, tổ chức và nhu cầu quản lý của chính nhà nước. Nhu cầu này càng ngày càng tăng do sự mở rộng và phát triển của quan hệ pháp luật khiến cho lượng yêu cầu chứng thực gia tăng cũng như sự phức tạp của việc chứng thực. Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến quá trình thực hiện pháp luật về chứng thực và sự phát triển khoa học pháp lý điều chỉnh quan hệ pháp luật chứng thực.

+ Hệ thống pháp luật

Bản thân pháp luật sinh ra là để điều chỉnh các quan hệ xã hội, là cơ sở để các chủ thể thực hiện pháp luật. Sự thống nhất, toàn diện, đồng bộ, phù hợp của các văn bản pháp luật, các đạo luật là vô cùng quan trọng, đảm bảo cho hiệu quả của việc thực hiện pháp luật. Người dân thực hiện pháp luật tốt hơn với một hệ thống pháp luật toàn diện, đồng bộ, phù hợp. Hoạt động chứng thực sẽ được thực hiện tốt, có hiệu quả nếu hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về chứng thực phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, đồng bộ và thống nhất. Ngược lại, văn bản pháp luật chứng thực ban hành không phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, không đồng bộ, thống nhất phải sửa đổi, bổ sung, thậm chí phải thay thế bằng văn bản khác không những ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện mà còn gây thiệt hại cho công dân, đất nước.

+ Yếu tố chính trị

Yếu tố chính trị có ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động thực hiện pháp luật của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật chứng thực, đặc biệt là các cá

nhân, cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật chứng thực. Một đất nước có môi trường chính trị ổn định là điều kiện thuận lợi đối với hoạt động thực hiện pháp luật nói chung và hoạt động chứng thực nói riêng, bởi nó củng cố niềm tin của người dân, để họ tin vào chính sách pháp luật của Nhà nước, tin vào Đảng và chính quyền và ngược lại.

Ngoài ra, mức độ dân chủ của xã hội cũng ảnh hưởng quan trọng đến việc thực hiện pháp luật chứng thực. Trong điều kiện xã hội có nền dân chủ rộng rãi, các tầng lớp trong xã hội có thể thẳng thắn, công khai bày tỏ ý kiến, quan điểm, nguyện vọng của mình đối với chính quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi tham gia quan hệ pháp luật chứng thực. Ngược lại, trong điều kiện xã hội thiếu dân chủ, thông tin nghèo nàn, bầu không khí chính trị ngột ngạt, gò bó thì công dân không dám bày tỏ những suy nghĩ thật của mình, không giám đòi hỏi công lý vì tâm lý lo lắng, e ngại.

+ Các cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực và các cơ quan hữu quan

Các cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực có trách nhiệm trong tổ chức, thực hiện chứng thực một cách khoa học có sự phân công rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn...để xử lý công việc nhanh chóng, đúng pháp luật. Sự thiếu thống nhất, thiếu đồng bộ và thiếu sự phối hợp với nhau ở các cơ quan liên quan đến hoạt động chứng thực sẽ dẫn đến sự chồng chéo trong cách giải quyết và đùn đẩy lẫn nhau.

Tiểu kết chương I

Nhận thấy rằng từ giai đoạn chuyển giao chế độ, các văn bản về hoạt động chứng thực đã được ban hành để đáp ứng các quan hệ dân sự, đất đai...những quan hệ, giao dịch không thể thiếu trong đời sống kinh tế - xã hội được diễn ra bình thường. Chính vì thế, có thể nói hoạt động chứng thực đã ra đời như một tất yếu của hoạt động quản lý nhà nước và là công cụ phục vụ đời sống nhân dân, kinh tế - xã hội, an ninh trật tự quốc gia.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP ra đời khắc phục được các hạn chế của quy định cũ, đồng thời tách bạch giữa hoạt động công chứng và chứng thực, cũng tạo điều kiện để các địa phương chủ động xã hội hoá dịch vụ này trên thực tế.

Chương I trình bày về các khái niệm và nội dung quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND cấp huyện theo tinh thần Nghị định 23/2015/NĐ-CP. Đây cũng là tiền đề, cơ sở quan trọng để nghiên cứu, khái quát về thực trạng của công tác này tại UBND Quận 12.

Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC CỦA UBND QUẬN 12

2.1. Khái quát chung về Quận 12

2.1.1. Về đặc điểm tự nhiên

Quận 12, Tp. HCM với diện tích 5.274,89 ha, dân số hiện nay trên 622.500 người, trong đó nhân khẩu thường trú 288.603 người, tạm trú trên 333.900 người (theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2019). Nơi đây là cửa ngõ giao thương của thành phố với khu vực và nước ngoài, cũng là nơi tập trung nhiều khu công nghiệp và trường đại học, vì vậy nhu cầu giao dịch là rất lớn, chính vì thế công tác chứng thực và quản lý hoạt động chứng thực cần được củng cố và tăng cường.

2.1.2. Về đặc điểm chính trị, kinh tế - xã hội

Trong những năm sắp tới, các DVHCC tại đây cần phải được nâng cao về chất lượng để đảm bảo sẵn sàng cho các hoạt động đầu tư tại địa phương. Đặc biệt là trong lĩnh vực chứng thực, tại Quận 12 nhu cầu của các cá nhân và tổ chức luôn gia tăng không ngừng. Thêm vào đó, cán bộ lãnh đạo trẻ cũng đang dần trở thành một trong những đặc điểm nổi bật mới của địa phương này. Với sức trẻ, trí tuệ, bản lĩnh và nhiều giải pháp mới, táo bạo cho sự cải tiến trong thời gian qua đã có những ghi nhận tích cực trong việc tạo ra một môi trường dịch vụ chứng thực thân thiện, hiệu quả, phần nào thoả mãn nhu cầu của người dân.

2.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với công tác chứng thực tại UBND Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Luôn ý thức được tầm quan trọng của pháp luật trong công tác quản lý nhà nước nói chung và quản lý đối với chứng thực nói riêng, UBND Quận 12 luôn chủ động triển khai các văn bản pháp luật, chỉ đạo của cấp trên và tuyên truyền phổ biến cho công dân, tổ chức trên địa bàn quận.

Một số văn bản quy phạm pháp luật được xem là căn cứ cho UBND Quận 12 tiếp cận và triển khai thực hiện, có thể kể đến như:

Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;

Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;

Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch.

Quyết định 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của UBND Tp. HCM về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn Tp. HCM;

Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND Tp. HCM về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan HCNN trên địa bàn thành phố HCM.

Từ đó UBND Quận 12 đã chủ động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hành chính thông thường để thực hiện chỉ đạo, chẳng hạn như: Kế hoạch 105/KH-UBND-TP ngày 07/4/2015 của UBND Quận 12 về Tổ chức triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 16/3/2015 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 để đảm bảo các thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định pháp luật đã công khai hay Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 03/03/2015 về thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước năm 2015 nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho người dân trong dịch vụ tại Quận.

Theo đó, hoạt động chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12 được quy định rõ ràng, chặt chẽ, thuận tiện cho các chủ thể liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, cụ thể như sau:

2.2.1. Đối với công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn

Tại UBND Quận 12, trong thời gian qua vấn đề nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đã được đẩy mạnh và triển khai rộng rãi, trong lĩnh vực chứng thực cũng vậy khi mà khối lượng hồ sơ công việc hàng ngày là rất lớn, nhu cầu chứng thực của người dân ngày càng đa dạng và phức tạp cùng với các văn bản pháp luật có sự thay đổi nên đây là một trong những hoạt động đã được Phòng Tư pháp Quận 12 triển khai thường xuyên để đáp ứng kịp thời cho yêu cầu công việc.

Hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho công chức làm công tác chứng thực tại UBND 11 phường thường được tiến hành theo kế hoạch định kỳ hàng năm dựa trên những văn bản QPPL mới được ban hành, báo cáo tổng kết từ công tác kiểm tra Tư pháp – Hộ tịch hàng năm hay xuất phát từ chính nhu cầu, kiến nghị của chính các đơn vị này. Trong giai đoạn 2015 - 2019, đã có nhiều chương trình tập huấn nghiệp vụ được diễn ra như tổ chức lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ kết hợp với việc triển khai thực hiện Nghị định 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Theo đó, đối tượng được hướng đến là cán bộ chủ chốt thuộc Phòng Tư pháp quận, cán bộ TN&TKQ quận và cán bộ Tư pháp – Hộ tịch 11 phường vào ngày 09/4/2015 với báo cáo viên được mời từ Sở Tư pháp, tập huấn nghiệp vụ cho UBND 11 phường về triển khai thực hiện công văn số 3956/BTP-HTQTCT ngày 18/9/2014 của Bộ Tư pháp về chứng thực chữ ký trong giấy bán, cho, tặng xe cá nhân và xe chuyên dùng,...

Số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2015-2019 được thể hiện qua bảng 2.1 sau:

Bảng 2.1 Bảng thống kê số lượng cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách đã được Phòng Tư pháp tập huấn nghiệp vụ chứng thực giai đoạn 2015-2019

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng cán bộ, công chức được tập huấn công tác chứng thực/Tổng số cán bộ, công chức làm công tác chuyên trách.	23/27	25/29	25/29	25/29	27/29

(Nguồn: Báo cáo UBND Quận 12 từ năm 2015-2019)

Qua Bảng 2.1, số lượng cán bộ, công chức chuyên trách cơ sở được Phòng Tư pháp tập huấn hàng năm luôn chiếm tỉ lệ khá cao, đạt trên 85% qua các năm. Con số này thể hiện tinh thần nâng cao năng lực, trình độ, nghiệp vụ chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách trên địa bàn quận.

Ngoài ra, UBND quận cũng chỉ đạo Phòng Tư pháp thường xuyên hướng dẫn công tác chứng thực cho các phường thông qua các cuộc họp giao ban công tác Tư pháp - Hộ tịch hàng quý. Đồng thời có văn bản, thông báo hướng dẫn của cấp trên liên quan đến công tác chứng thực đều được Phòng Tư pháp sao gửi cho bộ phận chứng thực và UBND 11 phường để thực hiện và đối với các trường hợp vướng mắc của UBND 11 phường đều được lãnh đạo Phòng Tư pháp giải đáp kịp thời.

Bên cạnh đó, hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ còn được diễn ra dưới hình thức gửi các văn bản trả lời, hướng dẫn nhằm giải quyết vấn đề nhanh chóng, kịp thời. Hay đó có thể là sự trao đổi, hướng dẫn, tương tác trực tiếp giữa Phòng Tư pháp và UBND phường thông qua điện thoại để giải quyết vấn đề khó khăn ngay tức thì, đảm bảo quyền lợi cho người dân.

Như vậy, công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ có thể được triển khai, tiến hành bằng nhiều hình thức linh hoạt, thuận tiện khác nhau, đảm bảo cho hoạt động cung ứng dịch vụ chứng thực ở UBND phường cũng như UBND quận tiến hành một cách liền mạch, thông suốt và đáp ứng nhu cầu người dân một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất.

2.2.2. Đối với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến chứng thực và quản lý nhà nước về chứng thực

Tại UBND Quận 12 và UBND 11 phường, việc tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định về chứng thực được tiến hành thường xuyên. Các thủ tục, quy trình, mức phí đều được niêm yết tại thông báo UBND các cấp, đồng thời được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của cơ quan. Trong bản tin phát thanh và tập san của đơn vị còn đề cập các thông tin mới về tình hình kinh tế - văn hoá - xã hội, sự thay đổi các văn bản pháp luật (trong đó có lĩnh vực chứng thực). Đặc biệt là mục hỏi đáp thắc mắc cho người dân được cập nhật và giải thích thấu đáo các vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của đơn vị.

Thời điểm Nghị định 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định 31/2011/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực, hoạt động tương tác và giải đáp thắc mắc cho người dân diễn ra thường xuyên, triệt để, từ việc phân quyền chứng thực giấy tờ song ngữ do cấp xã thực hiện đến chứng thực hợp đồng, giao dịch chuyển dân cho Văn phòng công chứng đảm nhiệm. Tất cả thông tin đó sẽ được truyền đạt trực tiếp khi làm việc với người dân của cán bộ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Điều này là một kênh tuyên truyền, giúp người dân tiếp cận nhanh chóng và dễ hiểu nhất.

Đồng thời, hàng tháng, UBND 11 phường tổ chức các xe dân quân đi tuyên truyền các thông tin mới nhất cho người dân của các tuyến đường chính ở phường, nội dung này còn được nêu trong các cuộc họp của Tổ dân phố và dán ở bảng tin.

Ngoài ra, việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật được Quận 12 chú trọng và phổ biến đến mọi đối tượng trên địa bàn quận thông qua nhiều hình thức khác nhau, chẳng hạn:

+ *Tổ chức các toạ đàm về các văn bản QPPL mới cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện và có liên quan trong lĩnh vực chứng thực.* Đặc biệt phải kể đến đó là buổi toạ đàm triển khai công văn số 3956/BTP-HTQTCT ngày 18/9/2014 của Bộ Tư pháp về chứng thực chữ ký trong giấy bán, cho, tặng xe cá nhân và xe chuyên dùng; buổi tuyên truyền, triển khai bồi dưỡng kiến thức theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP có sự hiện diện cán bộ, công chức 11 phường, quận đảm nhận công tác chứng thực, các phòng ban, tổ chức chính trị xã hội, lãnh đạo tại phường và quận để có thể nắm được nội dung cốt lõi của quy định này.

+ *Công khai các văn bản quy phạm pháp luật lên công thông tin điện tử của quận tại địa chỉ www.quan12.hochiminhcity.gov.vn, tại bảng tin của UBND quận để đảm bảo sự thuận tiện cho người dân có thể theo dõi và tra cứu.*

Trong sáu tháng đầu năm 2019, UBND Quận 12 đã nhận được 11.642 lượt đánh giá, tỷ lệ hài lòng của người dân đạt hơn 97%. Trong tổng số hơn 19.500 hồ sơ tiếp nhận, nhờ cải tiến trong cách thức thực hiện cho nên số lượng hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt gần 95%. Đối với hồ sơ bị chậm trễ, UBND quận, các phường đã có văn bản xin lỗi trực tiếp đến người dân. (Số liệu từ Phó chủ tịch UBND Quận 12)

+ Tổ chức các cuộc thi kiến thức cải cách hành chính và tuyên truyền các văn bản QPPL mới nói chung và trong lĩnh vực chứng thực nói riêng, các nội dung liên quan đến công tác chứng thực sẽ được Phòng Tư pháp biên soạn gửi cho đơn vị nghiên cứu, cập nhật và thực hiện. Ngoài ra, kiến thức về chứng thực còn được lồng ghép vào các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, cải cách hành chính trên địa bàn, đây được xem như là một trong những hình thức truyền thông song vẫn tiếp cận được đến nhiều chủ thể trong xã hội, trước hết là đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách.

Trong giai đoạn từ 2015-2019, UBND quận đã tổ chức các cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực như tuyên truyền Luật Công chứng 2014, tuyên truyền Bộ Luật Dân sự 2015, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,... với số lượng được thể hiện cụ thể qua bảng 2.2 như sau:

Bảng 2.2. Bảng thống kê số lượng cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực từ 2015-2019 của UBND Quận 12

Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Số lượng cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực/Tổng số cuộc tuyên truyền pháp luật	2/25	4/28	5/17	5/16	4/20

(Nguồn: Báo cáo UBND Quận 12 từ năm 2015-2019)

Qua Bảng 2.2. nhận thấy số lượng cuộc tuyên truyền có lồng ghép nội dung chứng thực là khá thấp trên tổng số cuộc tuyên truyền pháp luật, cho thấy việc tuyên truyền về chứng thực còn khiêm tốn, chưa tương xứng với áp lực giải quyết hồ sơ của lĩnh vực này trên thực tế, vì vậy cần nâng cao hơn chất lượng các cuộc tuyên truyền, mục đích vẫn là dân được biết, dân được hiểu rõ và làm đúng quy định.

2.2.3. Đối với thẩm quyền chứng thực và tổ chức quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12

2.2.3.1. Về mặt thẩm quyền

Hoạt động chứng thực trên địa bàn Quận 12 được tổ chức cung ứng tại UBND 11 phường, các tổ chức hành nghề công chứng và UBND quận mà trực tiếp đảm nhận

ở đây là Phòng Tư pháp. Song về thẩm quyền thì lại có sự đa dạng và khác nhau theo quy định của pháp luật. Theo đó, Phòng Tư pháp sẽ có thẩm quyền trong việc:

Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận. Chỉ có Phòng Tư pháp và các tổ chức hành nghề công chứng là có thẩm quyền trong việc chứng thực các văn bản do tổ chức nước ngoài cấp. Đây là một trong những loại hình chứng thực phổ biến nhất và có nhu cầu cao nhất trong xã hội hiện nay. Do vậy, hoạt động chứng thực các loại hình này tại UBND phường và UBND quận luôn diễn ra với khối lượng lớn hàng ngày và chiếm đa số.

Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản; cùng với chứng thực bản sao từ bản chính do cơ quan tổ chức có thẩm quyền Việt Nam cấp hoặc chứng nhận thì đây cũng là loại hình mang tính phổ biến và có một nhu cầu khá lớn trong xã hội. Tuy nhiên, loại hình này lại ít được người dân lựa chọn thực hiện ở UBND quận mà chủ yếu được thực hiện tại UBND 11 phường cho thuận tiện.

Chứng thực chữ ký của người dịch trong các giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài; đây được xem là một trong những đặc quyền nổi bật mà chỉ có Phòng Tư pháp đảm nhận. Phòng Tư pháp phải đảm bảo có một đội ngũ cộng tác viên dịch thuật để đảm bảo cho nhu cầu ngày càng đa dạng của người dân liên quan đến các loại văn bản, giấy tờ nước ngoài.

Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản; Chứng thực văn bản thảo thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản. Tuy nhiên, hiện nay đối với 2 loại hồ sơ này, tại Quận 12 nói riêng và TP. HCM nói chung không thực hiện chứng thực nữa mà đã có sự chuyển giao thẩm quyền cho các tổ chức hành nghề công chứng theo Quyết định số 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Đây được xem là một trong những điểm tích cực trong quá trình đẩy mạnh xã hội hóa DVHCC hiện nay tại TP. HCM. Đồng thời, sự chuyển giao này giúp giảm gánh nặng cho UBND quận, giúp cho

hoạt động cung ứng dịch vụ diễn ra một cách hiệu quả, chất lượng hơn và để cho cơ quan này tập trung vào hoạt động quản lý nhà nước thuận lợi nhất.

Căn cứ theo thẩm quyền, trong giai đoạn 2015-2019 Phòng Tư pháp đã thực hiện các số lượng việc với mức thu lệ phí tương ứng, cụ thể qua bảng 2.3 như sau:

Bảng 2.3. Thống kê số việc chứng thực, số lệ phí chứng thực được thực hiện tại UBND Quận 12 giai đoạn 2015-2019

Số việc chứng thực/Lệ phí		Năm	2015	2016	2017	2018	2019
Bản sao từ bản chính	Số việc		66.996	42.939	47.296	45.247	39.957
	Lệ phí (VNĐ)		201.402.000	135.044.000	430.296.000	429.576	129.782.000
Chữ ký	Số việc (chữ ký trong các giấy tờ, văn bản)		11.462	7.688	369	887	951
	Số việc (chữ ký người dịch)		149	369	9.386	11.817	11.929
	Lệ phí (VNĐ)		117.170.000	80.570.000	97.550.000	127.040.000	128.800.000
Hợp đồng, giao dịch	Số việc		0	0	0	0	0
	Lệ phí (VNĐ)		0	0	0	0	0
Các loại việc khác	Số việc		0	0	0	0	0
	Lệ phí (VNĐ)		0	0	0	0	0

Số liệu ở Bảng 2.3. đã phản ánh số lượng việc chứng thực tại UBND quận luôn ở mức cao, nhưng vẫn đảm bảo về mặt trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện và nguồn thu ngân sách được đóng góp thường xuyên.

2.2.3.2. Về mặt tổ chức

Cơ cấu tổ chức để thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12 được tổ chức theo ngành dọc. Theo đó, cơ quan đảm nhiệm trực tiếp công tác này là Phòng Tư pháp chịu sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ từ Sở Tư pháp cũng như chịu trách nhiệm trước Sở về cung ứng dịch vụ chứng thực này. Tuy nhiên, phòng cũng chịu sự chỉ đạo, công tác biên chế từ phía UBND quận, là đơn vị trực tiếp giúp UBND quận trong công tác QLNN về chứng thực theo quy định của pháp luật.

Nhân sự thực hiện hoạt động chứng thực tại Quận 12 được phân công về hai bộ phận chính với tổng số 07 cán bộ, công chức đảm nhiệm hoạt động theo sự phân bổ, sắp xếp như sau:

Bảng 2.4. Bảng số lượng cán bộ, công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12

STT	Bộ phận		Số lượng	Nhiệm vụ
1	Phòng Tư pháp	Lãnh đạo phòng	03	Ký chứng thực
		Công chức	01	Thực hiện nghiệp vụ chứng thực
2	Văn phòng UBND	Bộ phận TN&TKQ	03	Tiếp nhận và trả hồ sơ chứng thực

(Nguồn: Thống kê trình độ cán bộ, công chức chuyên môn UBND quận – Phòng Nội vụ)

Theo Bảng 2.4. cho thấy số lượng cán bộ, công chức chuyên trách đối với hoạt động chứng thực tại UBND quận tương đối mỏng so với áp lực giải quyết hồ sơ cấp huyện. Nếu có sự rủi ro đối với công chức thực hiện nghiệp vụ chứng thực thì sẽ khó khăn cho tính thường xuyên liên tục của hồ sơ.

Cũng theo số liệu thống kê vào đến tháng 05/2019 của Phòng Nội vụ về Thống kê trình độ cán bộ, công chức phòng chuyên môn UBND quận thì hầu hết cán bộ, công chức đảm nhận cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12 đều đạt ở trình độ cao:

Bảng 2.5. Thống kê trình độ cán bộ, công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12

Trình độ		Lãnh đạo	Công chức/Cán sự
Chuyên môn	Đại học	3	3
	Cao đẳng	0	0
	Trung cấp	0	1
Chính trị	Cao cấp	2	0
	Trung cấp	1	1
	Sơ cấp	0	3

(Nguồn: Thống kê trình độ cán bộ, công chức chuyên môn UBND quận – Phòng Nội vụ)

Theo Bảng 2.5. trình độ chuyên môn của cán bộ, công chức thực hiện chứng thực là cao, có chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo.

2.2.3.3. Về mặt quy trình

Trong quá trình tiếp nhận yêu cầu chứng thực, bộ phận TN&TKQ cần phải đảm bảo đúng những thủ tục, hồ sơ theo Quy trình phối hợp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch giữa Bộ phận TN&TKQ và Phòng Tư pháp. Cụ thể như sau:

Bảng 2.6. Thủ tục, hồ sơ khi yêu cầu chứng thực tại UBND Quận 12

STT	Chứng thực	Thủ tục, hồ sơ
1	Bản sao từ bản chính	- Bản chính làm cơ sở để chứng thực. - Bản sao cần chứng thực.
2	Chữ ký trong các văn bản	- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người ký vào giấy tờ, văn bản. - Văn bản người yêu cầu chứng thực chữ ký sẽ ký vào đó.
3	Chữ ký người tự dịch đối với văn bản của mình	- Bảng ngoại ngữ trở lên về thứ tiếng nước ngoài cần dịch hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài cần dịch. - Văn bản dịch thuật mà mình sẽ ký vào đó.
4	Chữ ký người dịch là cộng tác viên dịch thuật	- Giấy tờ, văn bản cần dịch thuật

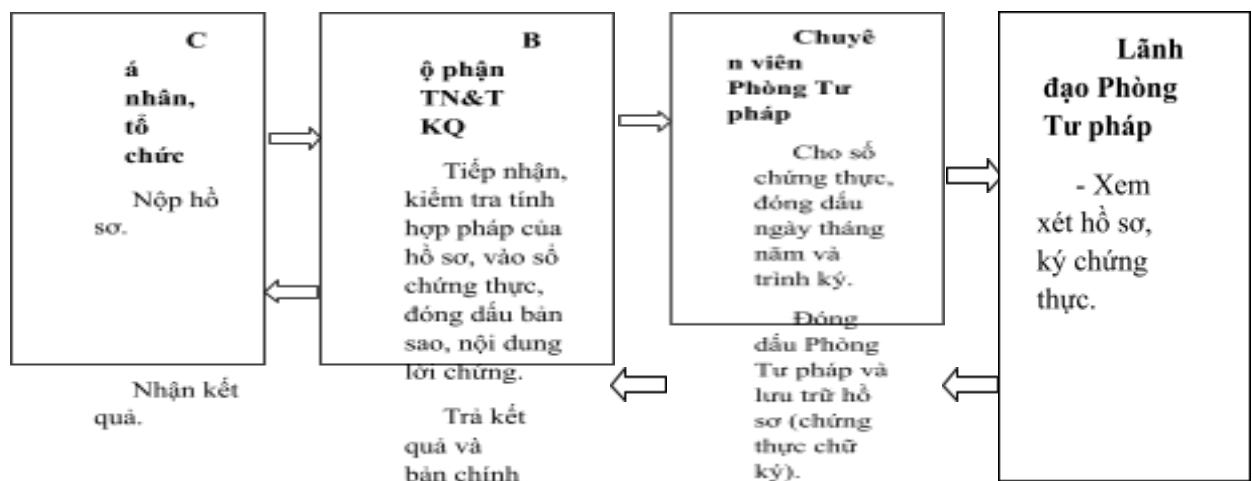
Thủ tục, hồ sơ khi yêu cầu chứng thực là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo hoạt động cung ứng được diễn ra một cách hiệu quả, thuận tiện cho người dân. Bên cạnh việc đảm bảo sự đơn giản, dễ hiểu tránh rườm rà, phức tạp thì hoạt động công khai thủ tục hành chính cũng được UBND quận quan tâm và chú trọng, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ thông tin. Hiện nay, ngoài hình thức niêm yết trực tiếp tại bộ phận TN&TKQ của UBND quận thì thủ tục còn được công khai trên trang thông tin điện tử của UBND Quận 12 tại website: www.quan12.hochiminhcity.gov.vn/ mục thủ tục hành chính, để người dân có thể thuận tiện trong việc chuẩn bị hồ sơ, nắm được quy trình thực hiện cũng như lệ phí cần phải trả.

Hình 2.1. Thủ tục hành chính trong lĩnh vực chứng thực được đăng tải trên trang thông tin điện tử UBND Quận 12.



Quy trình cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12 được thực hiện dựa trên Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 26/7/2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Bộ phận TN&TKQ cùng với Phòng Tư pháp sẽ phối hợp thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực.

Dựa trên Quy chế này, Phòng Tư pháp quận phối hợp với Văn phòng UBND quận ban hành quy trình phối hợp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch được thể hiện như sau:



Sơ đồ 2.1 Quy trình giải quyết hồ sơ chứng thực tại UBND Quận 12

Như vậy, hoạt động cung ứng dịch vụ chứng thực được thực hiện dựa trên sự phối hợp giữa Phòng Tư pháp và văn phòng UBND quận dựa trên những quy định về thẩm quyền và trách nhiệm rõ ràng theo cơ chế Một cửa và quy trình phối hợp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch giữa Phòng Tư pháp và Văn phòng UBND Quận 12.

2.2.4. Đối với công tác lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực

Hoạt động thiết lập sổ chứng thực tại Phòng Tư pháp được thực hiện bằng hình thức lưu sổ truyền thông và lưu sổ điện tử với các thông tin về hoạt động chứng thực được lưu lại trong máy tính của công chức đảm nhận trước khi trả kết quả về cho người dân, việc làm này góp phần tiết kiệm chi phí và giảm tải về kho lưu trữ.

Chế độ lưu trữ sổ sách chứng thực tiếp tục được duy trì thực hiện đúng theo quy định, vào cuối tháng 01 hàng năm Phòng Tư pháp thực hiện bàn giao sổ sách, hồ sơ giấy tờ đã được chứng thực vào kho lưu trữ chung của UBND quận.

Lưu trữ văn bản chứng thực, từ ngày 15/02/2016, phòng đã ngừng việc lưu trữ văn bản, hồ sơ chứng thực bản sao từ bản chính mà chỉ còn lưu trữ hồ sơ chứng thực chữ ký, chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của Thông tư 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch.

2.2.5. Đối với công tác thanh, kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND 11 phường trên địa bàn

UBND quận đã trực tiếp chuyển giao thẩm quyền kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND phường cho Phòng Tư pháp theo quy định. Công tác kiểm tra luôn được Phòng Tư pháp chú trọng triển khai thực hiện, bên cạnh hoạt động kiểm tra định kỳ hàng năm thì phòng tiến hành với nhiều hình thức kết hợp khác nhau để đảm bảo tính khách quan. Công tác kiểm tra của Phòng Tư pháp Quận 12 được thực hiện dựa trên hai hình thức chính:

Một là, thực hiện công tác kiểm tra định kỳ

Về thời gian kiểm tra: Công tác kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND phường được thực hiện định kỳ 02 lần trong năm với kiểm tra Tư pháp – Hộ tịch 06 tháng đầu năm và kiểm tra, chấm điểm thi đua Tư pháp – Hộ tịch cuối năm.

Về nội dung kiểm tra: Công tác kiểm tra định kỳ hoạt động chứng thực của UBND phường được thực hiện dựa trên những nội dung chủ yếu sau: Sổ chứng thực -

công tác lập sổ chứng thực, lưu trữ sổ chứng thực; Chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký - thẩm quyền chứng thực của UBND phường, mẫu dấu chứng thực, biểu mẫu phiếu hẹn theo đúng quy định của pháp luật; hoạt động tuyên truyền, niêm yết, công khai các văn bản, thủ tục hành chính liên quan đến chứng thực.

Sau mỗi đợt kiểm tra, phòng đều ban hành các báo cáo kết quả kiểm tra trong đó bao gồm các nội dung cụ thể sai phạm của từng phường, những ưu điểm, hạn chế, khó khăn chung mà các phường đang gặp phải để báo cáo cho UBND quận và Sở Tư pháp, đồng thời phòng cũng ban hành công văn đưa các chỉ đạo, hướng dẫn đối với từng loại sai phạm cụ thể đến từng phường để đảm bảo các phường nhanh chóng khắc phục.

Hai là, thông qua báo cáo của UBND phường

Báo cáo công tác 06 tháng, báo cáo công tác năm của UBND phường về công tác Tư pháp – Hộ tịch cũng là những công cụ để Phòng Tư pháp Quận 12 thực hiện kiểm tra được hoạt động của phường về công tác chứng thực về những mặt đạt được, hạn chế còn mắc phải những thuận lợi và khó khăn đang gặp phải để nhanh chóng có những biện pháp hỗ trợ, tập huấn để nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ này tại các UBND phường.

2.2.6. Đối với công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính liên quan đến chứng thực theo thẩm quyền

Trong khoảng thời gian từ năm 2015-2017 UBND quận không ghi nhận trường hợp đơn thư, khiếu nại liên quan đến yêu cầu chứng thực.

Về công tác xử lý vi phạm hành chính trong chứng thực đảm bảo đúng nội dung, thủ tục và thẩm quyền xử lý theo quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định 67/2015/NĐ-CP. Trong khoảng thời gian 2015-2017, Phòng Tư pháp quận đã lập biên bản xử lý hơn 150 trường hợp vi phạm, tịch thu 120 bằng cấp, giấy tờ giả, chứng chỉ giả mạo các loại, đã chuyển công an điều tra, khởi tố 04 trường hợp có dấu hiệu tội phạm hình sự. Tình hình xử lý vi phạm hành chính trong chứng thực được thể hiện như sau:

Bảng 2.7. Thống kê số vụ việc bị phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về chứng thực tại UBND Quận 12 từ 2015-2017

Năm	2015	2016	2017
-----	------	------	------

Số vụ việc xử lý hành chính	56	64	70
Số vụ việc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý hình sự	04	03	04

(Nguồn: Báo cáo UBND Quận 12 từ năm 2015-2017)

Thông qua Bảng 2.7, có thể nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật được phát hiện trong QLNN về chứng thực có sự diễn biến hết sức phức tạp. Cần có biện pháp kiểm soát và xử lý nghiêm ngặt, có thể tăng cường thêm đội ngũ nhân sự làm công tác chuyên môn tại Phòng Tư pháp và các phường.

Tuy vậy, cán động viên khích lệ với năng lực, mức độ chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách đã phát hiện kịp thời và ngăn chặn hành vi sai phạm, góp phần ổn định trật tự xã hội tại địa phương.

2.2.7. Đối với công tác tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định

Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND quận, Phòng Tư pháp đã có các hướng dẫn nghiệp vụ cũng như tổng hợp các khó khăn, vướng mắc từ đơn vị liên quan để có báo cáo Chủ tịch UBND quận và Sở Tư pháp nhằm kịp thời chỉ đạo, bên cạnh đó Phòng tham mưu cho UBND quận ban hành Công văn 446/UBND ngày 04/04/2016 về việc triển khai thực hiện Thông tư 20/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp và Công văn 435/HTQTCT-CT của Cục Hộ tịch, Quốc tịch, Chứng thực cho UBND 11 phường. Việc thực hiện Nghị định 23/2015/NĐ-CP đã ổn định, dần đi vào nề nếp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhân dân khi liên hệ công tác.

Thực hiện công tác tổng hợp, báo cáo kịp thời, và đúng thời gian quy định. Ngoài báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo năm thì UBND quận ban hành một số báo cáo quan trọng sau:

+ Báo cáo số 275/BC-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBND Quận 12 về rà soát đội ngũ công tác chứng thực tại Quận 12;

+ Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 22 tháng 04 năm 2016 về kết quả thực hiện công tác chứng thực theo Nghị Định 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

+ Báo cáo số 751/BC-PTP ngày 23 tháng 7 năm 2016 phục vụ Đoàn khảo sát chuyên giao thẩm quyền công tác chứng thực;

Chế độ báo cáo được thực hiện theo đúng quy định, là cơ sở trình bày các kiến nghị, đề xuất các giải pháp thiết thực đến các cơ quan có thẩm quyền để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh, tạo thuận lợi trong giải quyết công việc và góp phần vào tiến trình hoàn thiện các quy định về chứng thực.

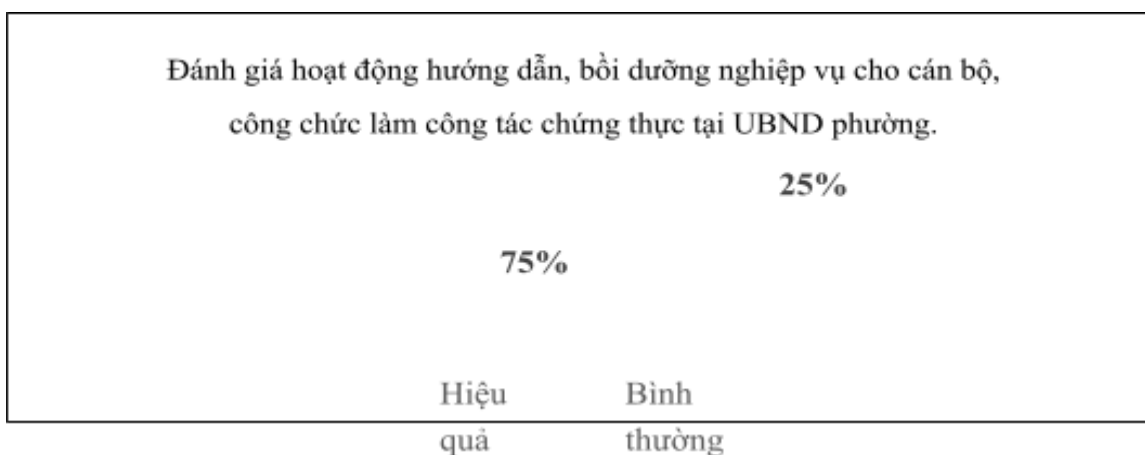
2.3. Đánh giá quản lý nhà nước đối với chứng thực tại UBND Quận 12

2.3.1. Trong công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại UBND cấp xã

2.3.1.1 Ưu điểm:

Công tác tổ chức, triển khai hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ tại Quận 12 được triển khai rất chủ động, kịp thời và đặc biệt là đảm bảo công chức thực hiện được trang bị đầy đủ nghiệp vụ cũng như kỹ năng cơ bản trước khi các văn bản QPPL mới có hiệu lực.

Hoạt động hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ còn được thực hiện một cách thường xuyên và liên tục thông qua các phương tiện liên lạc thuận tiện và hiện đại. Luôn đảm bảo nghiệp vụ giải quyết được thực hiện đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với quy định pháp luật. Công tác tổ chức các buổi bồi dưỡng nghiệp vụ được đảm bảo về mặt hình thức song về chất lượng vẫn chưa được đảm bảo hiệu quả. Theo kết quả khảo sát tại một số phường được lựa chọn trên địa bàn Quận 12 về Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 thì chỉ có 25% công chức thực hiện khảo sát đánh giá hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực là hiệu quả.



Biểu đồ 2.1 Đánh giá hoạt động hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác chứng thực tại UBND phường của UBND Quận 12

2.3.1.2. Hạn chế

Một số công chức trực tiếp thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND phường và bộ phận TN&TKQ tại UBND quận không tham gia các công tác tập huấn một cách thường xuyên, dẫn đến một số sai sót trong khi thực hiện nghiệp vụ hay vẫn chưa thực hiện theo đúng những quy định mới của pháp luật.

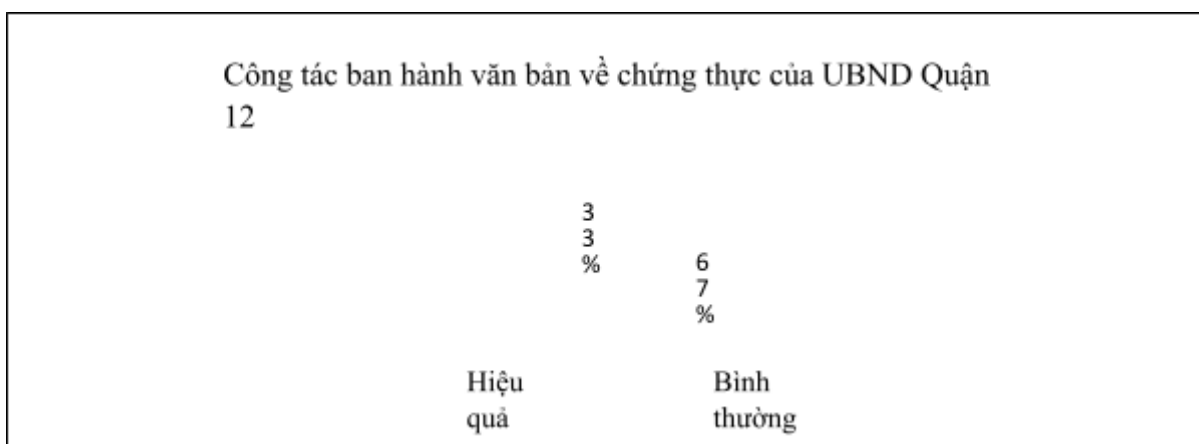
Bồi dưỡng chỉ được tiến hành, tổ chức thực hiện mang tính chủ quan, một chiều hay chỉ khi có các văn bản QPPL mới được ban hành chứ chưa mang tính thường xuyên hay chưa dựa vào nhu cầu từ phía các công chức thực hiện.

2.3.2. Trong việc ban hành văn bản hướng dẫn và tuyên truyền, phổ biến các văn bản về chứng thực

2.3.2.1 Ưu điểm

Thẩm quyền ban hành các văn bản QPPL của UBND Quận 12 tuân thủ theo đúng phạm vi thẩm quyền và theo đúng quy định pháp luật. Đồng thời, nội dung của các văn bản đảm bảo sự thống nhất, theo đúng tinh thần chỉ đạo của các văn bản QPPL của Trung ương và của UBND Tp. HCM.

Việc ban hành các văn bản QPPL cũng như các văn bản hành chính thông thường nhằm triển khai các chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan QLNN cấp trên tại UBND Quận 12 được đánh giá là thực hiện có hiệu quả, kịp thời và có sự chủ động. Theo kết quả khảo sát tại một số phường được lựa chọn trên địa bàn Quận 12 về Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 thì công tác ban hành văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng thực được đánh giá như sau



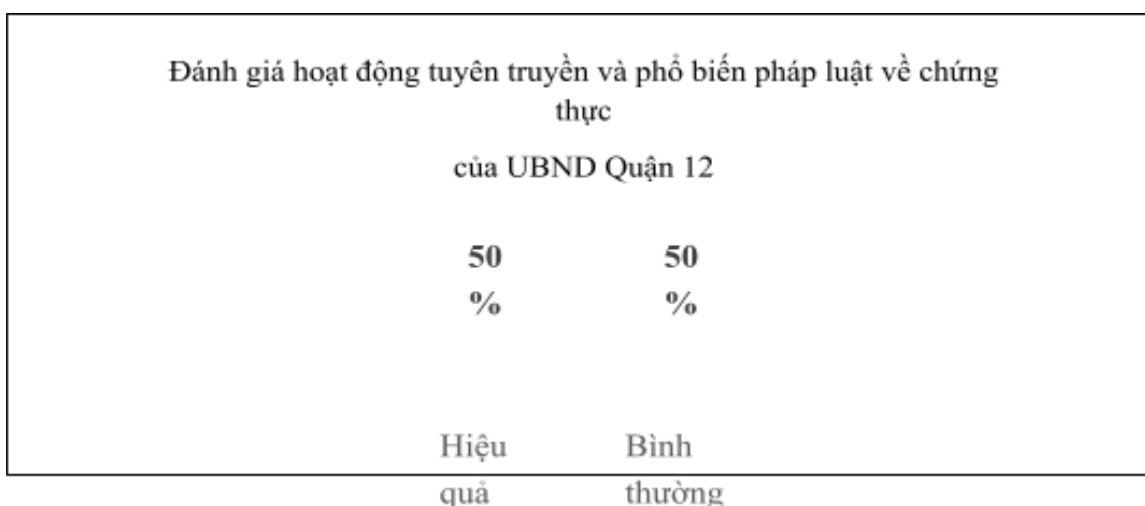
Biểu đồ 2.2. Đánh giá công tác ban hành văn bản trong lĩnh vực chứng thực của UBND Quận 12

Phòng Tư pháp đã triển khai một cách đầy đủ và toàn diện các văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng thực đến các đối tượng có liên quan với sự đa dạng với nhiều hình thức mới, hiệu quả trong công tác tuyên truyền.

Nhiều hình thức tuyên truyền được áp dụng công nghệ thông tin, đem đến sự thuận tiện cho người dân khi tiếp cận các thông tin mang tính pháp luật này. Phù hợp với tinh thần Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan HCNN.

2.3.2.2. Hạn chế

Công tác tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về chứng thực đáp ứng được về mặt hình thức nhưng vẫn chưa hiệu quả về mặt chất lượng. Số lượng công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND phường và quận chưa hiểu rõ về các quy định pháp luật vẫn nhiều. Và theo kết quả khảo sát tại một số phường được lựa chọn trên địa bàn Quận 12 về Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 thì hiệu quả của hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về chứng thực chỉ ở mức 50%.



Biểu đồ 2.3. Đánh giá hoạt động tuyên truyền và phổ biến pháp luật về chứng thực của UBND Quận 12.

Các trang thiết bị công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động tuyên truyền các văn bản pháp luật đã được trang bị đầy đủ, hiện đại nhưng thông tin cập nhật về các văn bản QPPL mới về chứng thực chưa được thực hiện kịp thời, nhanh chóng. Diễn

hình như Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch đã có hiệu lực từ ngày 10/4/2015 nhưng đến nay vẫn chưa được đăng tải trên trang thông tin điện tử UBND Quận 12.

2.3.3. Công tác bố trí, phân công nhân sự thực hiện chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực

2.3.3.1. Ưu điểm

Thẩm quyền, cơ cấu tổ chức, quy trình thực hiện đều được UBND Quận 12 thực hiện theo đúng quy định pháp luật và phạm vi được phân cấp.

Phòng Tư pháp – chủ thể trực tiếp đảm nhận công tác này đã có sự phối hợp với Văn phòng UBND thiết lập quy trình phối hợp hoạt động giữa hai bộ phận trong cung ứng dịch vụ chứng thực với các quy định cụ thể rõ ràng về thẩm quyền, trách nhiệm cũng như thời gian tiếp nhận, trả kết quả của từng bộ phận để đảm bảo sự phối hợp được hiệu quả và nhanh chóng, đồng thời có những trách nhiệm cụ thể nếu để xảy ra sai sót. Do vậy mà trong những năm vừa qua, công tác trả hồ sơ cho người dân trong lĩnh vực chứng thực luôn đạt ở mức độ 100% đúng hẹn.

Phòng Tư pháp liên tục, thường xuyên có những hướng dẫn, hỗ trợ về nghiệp vụ một cách kịp thời cho Bộ phận TN&TKQ hồ sơ chứng thực, để giảm thiểu tình trạng thiếu, sai sót trong quá trình tiếp nhận hồ sơ.

Công nghệ thông tin đã được ứng dụng khá tốt và hiệu quả phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ chứng thực tại UBND Quận 12, giúp cho cán bộ, công chức thực hiện thuận tiện, hợp lý từ khâu công khai quy trình, thủ tục đến cả hoạt động quản lý tình trạng trễ hẹn.

Môi trường tiếp đón người dân khi đến yêu cầu thực hiện dịch vụ cũng đã được đầu tư một cách hiện đại, khoa học với hệ thống lấy số tự động, wifi miễn phí, trang thiết bị đầy đủ giúp cho người dân cảm thấy thoải mái trong lúc chờ đợi kết quả.

2.3.3.2. Hạn chế

Quy trình phối hợp giữa Phòng Tư pháp và văn phòng UBND đã được ban hành nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập gây ra một số khó khăn trong việc thực hiện.

Bộ phận TN&TKQ có trách nhiệm nhận hồ sơ, xem xét và hướng dẫn hồ sơ, tức là trực tiếp làm việc, tiếp xúc với người dân. Trong khi đó, Phòng Tư pháp mới là cơ quan trực tiếp thực hiện nghiệp vụ chứng thực. Nếu như một hồ sơ chứng thực mà bộ phận TN&TKQ không kiểm tra kỹ dẫn đến không đảm bảo theo đúng quy định mà phải đợi đến khi Phòng Tư pháp phát hiện thì người dân sẽ mất rất nhiều thời gian chờ đợi, bổ sung hay bỏ tức hồ sơ, rất phiền hà cho người dân.

Bộ phận TN&TKQ trong công tác tiếp nhận hồ sơ chứng thực chưa đảm bảo đáp ứng trình độ chuyên môn trong việc tiếp nhận hồ sơ chứng thực, dẫn đến chất lượng trong cung ứng dịch vụ cho người dân chưa đảm bảo được.

Ứng dụng công nghệ thông tin vẫn chưa được triển khai một cách triệt để. Chúng ta có website của UBND quận đăng tải các thủ tục hành chính liên quan song việc thường xuyên cập nhật, sửa chữa các thủ tục theo các quy định mới hiện hành của pháp luật vẫn còn rất chậm, điển hình như Nghị định 23/2015/NĐ-CP đã có hiệu lực từ tháng 4/2015 thay thế cho Nghị định 79/2007/NĐ-CP mà trên website vẫn đăng tải theo nghị định cũ này, do đó, dẫn đến tình trạng gây khó khăn, bất cập cho người dân khi sử dụng hoạt động tra cứu trực tuyến này.

Bất cập về nhân sự trong sự phân công, bố trí thực hiện cung ứng dịch vụ. Nhân sự thực hiện công tác chứng thực tại phòng hiện chỉ do một chuyên viên đảm nhận. Do vậy dẫn đến thiếu linh hoạt, chủ động trong việc tổ chức cung ứng tại phòng.

2.3.4. Công tác lấy số, lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực

2.3.4.1. Ưu điểm

Hoạt động thiết lập sổ chứng thực tại Phòng Tư pháp ngoài lưu sổ truyền thống còn được thực hiện bằng hình thức điện tử với các thông tin về hoạt động chứng thực được lưu lại trong máy tính của công chức đảm nhận công tác này. Giúp cho hoạt động lập sổ diễn ra thuận tiện, tiết kiệm mà hiệu quả. Sổ chứng thực, văn bản chứng thực được Phòng Tư pháp thực hiện lưu trữ theo đúng thời hạn quy định của pháp luật tại kho của UBND quận.

2.3.4.2. Hạn chế

Về công tác lập sổ chứng thực, mặc dù được tiến hành và lưu giữ trong máy tính nhưng việc lưu trữ sổ chứng thực vẫn duy trì ở mức truyền thống là lưu giữ tại các

kho nên chất lượng của các sổ chứng thực cũng như văn bản chứng thực không được đảm bảo về mặt chất lượng. Đồng thời, với quy định mới theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP thì việc không lưu bản sao chứng thực từ bản chính cũng gây khó khăn cho việc đối chiếu khi có khiếu nại hoặc đối chứng phát sinh.

Về hoạt động sắp xếp kho lưu trữ tại UBND quận chưa thực sự khoa học, chưa đảm bảo đầy đủ điều kiện, chưa kể nhiệt độ, độ ẩm và an toàn cháy nổ. Khoảng đầu năm 2018, UBND Quận 12 đã thực hiện chỉnh lý, lưu trữ và số hoá tài liệu, dưới hình thức thuê ngoài dịch vụ của Trung tâm Tin học và số hoá tài liệu (CID). Theo đó, đơn vị này sẽ sắp xếp, phân loại tài liệu, đánh số trang và lưu thành tập hồ sơ theo từng dãy kệ có đánh dấu thời hạn theo Luật lưu trữ 2011 và các quy định liên quan.

Về hoạt động tiêu huỷ văn bản, giấy tờ hết hiệu lực. Tại UBND quận và UBND 11 phường được trang bị máy huỷ giấy, tuy nhiên thực tế việc tiêu huỷ vẫn dùng lửa đốt, chưa thực hiện đúng quy trình tiêu huỷ tài liệu như quy định.

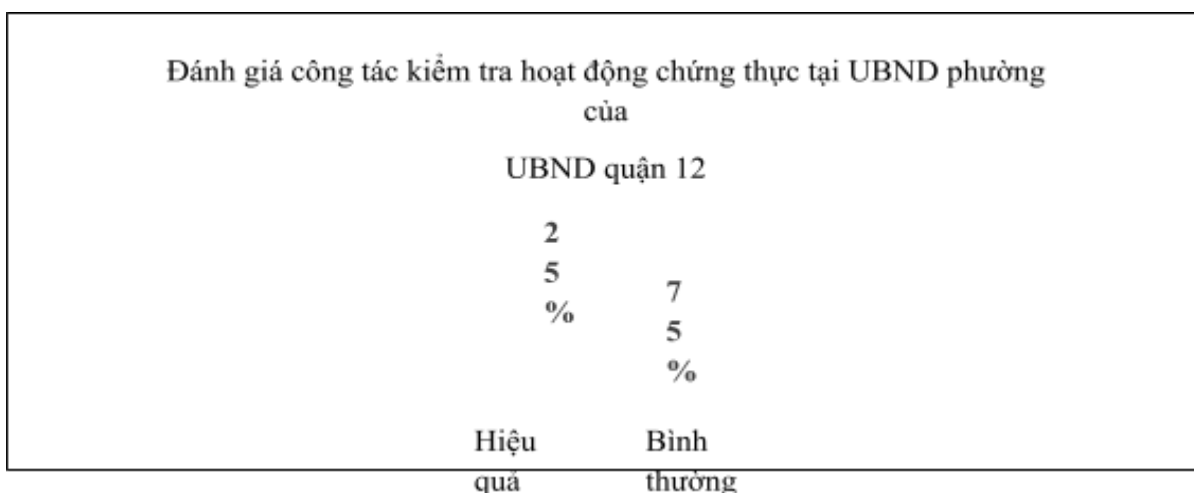
Vẫn còn những giấy tờ, văn bản được chứng thực nhưng lấy số chưa đúng quy định, thậm chí cho số không đúng và không lưu trữ. Đây là trường hợp tiêu cực thường xảy ra ở cấp xã, khi mà thực hiện cho người thân quen, giấy tờ đơn giản được cán bộ, công chức cố tình "giúp đỡ", không thu lệ phí. Trên thực tế, các trường hợp này thường vượt cấp thẩm quyền khi thực hiện hoặc không đúng theo quy trình ISO.

2.3.5. Đối với công tác kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND 11 phường

2.3.5.1. Ưu điểm

Công tác kiểm tra luôn được Phòng Tư pháp chú trọng triển khai thực hiện với nhiều hình thức kết hợp khác nhau. Bên cạnh các hoạt động kiểm tra định kỳ hàng năm thì phòng còn chủ động kiểm tra thông qua các hình thức khác nhau để đảm bảo tính khách quan và xác thực của công tác này.

Các chỉ đạo điều chỉnh, khắc phục sai phạm sau kiểm tra cũng được tiến hành một cách khẩn trương và kịp thời đến các phường. Do vậy, kết quả khảo sát tại một số phường được lựa chọn trên địa bàn Quận 12 về Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 thì kết quả đánh giá công tác kiểm tra như sau:



Biểu đồ 2.4. Đánh giá công tác kiểm tra hoạt động chứng thực tại UBND phường của UBND Quận 12

2.3.5.2. Hạn chế

Trong thời gian vừa qua, những cuộc kiểm tra đột xuất của Phòng Tư pháp là rất ít và hầu như là không có nên dẫn đến tình trạng nhiều kết quả kiểm tra chưa mang tính chính xác và khách quan.

Công tác theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo sau kiểm tra vẫn chưa được chú trọng triển khai, nên dẫn đến tình trạng chưa có sự kiểm soát việc khắc phục những sai phạm.

2.3.6. Trong công tác xử lý vi phạm liên quan chứng thực theo thẩm quyền

2.3.6.1. Ưu điểm

Về cơ chế xử lý VPHC liên quan đến chứng thực chưa đảm bảo tính răn đe, giáo dục, mà chủ yếu là thực hiện các biện pháp nhắc nhở, lập biên bản và huỷ bỏ các giấy tờ, văn bản giả mạo. Theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP, Nghị định 67/2015/NĐ-CP, theo đó, hành vi sử dụng giấy tờ giả để làm thủ tục yêu cầu chứng thực; sử dụng giấy tờ là bản sao có chứng thực; giả mạo chữ ký của người thực hiện chứng thực sẽ bị Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, đồng thời bị áp dụng biện pháp tịch thu và huỷ bỏ văn bản, giấy tờ giả mạo, đối với hành vi làm giả giấy tờ để làm thủ tục yêu cầu chứng thực; làm giả bản sao có chứng thực thì sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

2.3.6.2. Hạn chế

Việc áp dụng trình tự, thủ tục xử phạt VPHC liên quan đến chứng thực không thể thực hiện theo đúng quy trình vì các đối tượng bỏ trốn sau khi lập Biên bản do vậy số việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong việc làm giả các loại giấy tờ không phản ánh đúng tình trạng giả mạo các giấy tờ, văn bản đang diễn biến phức tạp và phổ biến như hiện nay.

2.3.7. Trong công tác tổng hợp và báo cáo định kỳ

2.3.7.1. Ưu điểm

Công tác báo cáo mang lại sự toàn diện về thực trạng công tác cung ứng dịch vụ chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn quận. Thông qua thông tin phản ánh các thuận lợi, khó khăn, thành tựu, vướng mắc mà UBND 11 phường báo cáo, là cơ chế giúp cho UBND quận nắm bắt và có sự chỉ đạo kịp thời để xử lý dứt điểm sau khi xin ý kiến, chủ trương của UBND Thành phố.

Công tác tổng hợp, báo cáo được xem là cơ chế liên thông từ cấp xã đến cấp tỉnh. Nó thông suốt với cơ chế hai chiều giúp cho hoạt động chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực được hiệu quả.

2.3.7.2. Hạn chế

Công tác báo cáo về chứng thực của một số phường được thực hiện chưa đúng thời gian quy định, mang tính hình thức, đa số đề xuất, kiến nghị được sao chép lặp lại của các phường với nhau và không có tính đóng góp xây dựng dẫn đến làm giảm chất lượng các báo cáo, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công tác tổng hợp, báo cáo đến cơ quan cấp trên. Bên cạnh đó, việc các quy định về biểu mẫu báo cáo thay đổi liên tục gây những khó khăn nhất định trong công tác tổng hợp, báo cáo. Chẳng hạn trong 03 năm liên tiếp có sự thay đổi 03 biểu mẫu thống kê liên tục: Thông tư 08/2011/TT-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn nội dung về công tác thống kê của ngành Tư pháp; Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp; Thông tư số 04/2016/TT-BTP ngày 03 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tư

pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp, thay thế Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

2.4. Nguyên nhân của các hạn chế

2.4.1. Hệ thống văn bản QPPL về chứng thực chưa đầy đủ và hoàn chỉnh

Trong những năm qua, sự thay đổi của các văn bản QPPL liên quan đến chứng thực diễn ra liên tục, bên cạnh những mặt tích cực thì vẫn còn quá nhiều điểm bất cập dẫn đến sự khó khăn trong công tác tổ chức cung ứng dịch vụ cũng như QLNN đối với dịch vụ này. Điển hình như, Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch bên cạnh nhiều điểm mới như có đề cập các cơ quan, tổ chức chỉ được yêu cầu nộp bản sao khi có quy định của pháp luật, còn lại thì dùng bản chính để đối chiếu, quy định rõ thời gian thực hiện yêu cầu chứng thực, quy định cụ thể về sổ chứng thực,... song vẫn có nhiều điểm chưa hợp lý như không thực hiện lưu trữ bản sao chứng thực từ bản chính như vậy sẽ rất khó xử lý, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại cũng như dễ dẫn đến tình trạng tham nhũng trong lĩnh vực này; quy định mới về lập sổ chứng thực với một số nội dung không cần thiết như họ tên người yêu cầu chứng thực trong khi đó thông tin này là không thực sự cần thiết và cũng không có cơ chế kiểm soát tính chính xác của thông tin này.

Công tác ban hành các văn bản QPPL của các cơ quan ngành dọc trong việc hướng dẫn triển khai thường rất chậm trễ. Nghị định 23/2015/NĐ-CP được ban hành vào ngày 16/2/2015 và có hiệu lực từ ngày 10/4/2015 nhưng mãi đến ngày 29/12/2015 Bộ Tư pháp mới ban hành Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định này và có hiệu lực từ ngày 15/2/2016. Dẫn đến tình trạng mặc dù văn bản có hiệu lực rồi nhưng các cơ quan HCNN trong công tác quản lý cũng như cung ứng dịch vụ chứng thực vẫn chưa triển khai thực hiện mà vẫn đợi cho đến khi Thông tư hướng dẫn có hiệu lực mới bắt đầu thực hiện gây nên không ít những mâu thuẫn và chông chéo.

2.4.2. Về cơ cấu tổ chức trong cung ứng dịch vụ chứng thực và QLNN đối với chứng thực chưa có sự hợp lý

Phòng Tư pháp là một trong những cơ quan trong hệ thống HCNN thực hiện chức năng tham mưu QLNN song lại cũng chính là chủ thể trực tiếp cung ứng dịch vụ chứng thực do chính mình tham mưu quản lý. Như vậy, xuất hiện sự mâu thuẫn, thiếu

tính khách quan ở đây dẫn đến công tác QLNN không được hiệu quả tối ưu mà cung ứng dịch vụ cũng không đảm bảo chất lượng tốt nhất cho người dân. Trong cuộc phỏng vấn sâu tại một số phường được lựa chọn trên địa bàn Quận 12 về Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 thì có khoảng 50% công chức đã đồng tình rằng phòng Tư pháp hoạt động theo đúng quy định, quy trình của pháp luật song không mang tính khách quan, hiệu quả khi vừa cung ứng lại vừa tham mưu chính cho UBND quận quản lý chính mình.

Hoạt động phối hợp giữa Phòng Tư pháp và Bộ phận TN&TKQ (thuộc Văn phòng UBND) vẫn chưa hiệu quả, còn một số bất cập. Bộ phận Tiếp nhận hồ sơ là thuộc Văn phòng UBND nhưng thực hiện chứng thực lại do phòng Tư pháp đảm nhiệm như vậy rất khó trong việc đảm bảo nghiệp vụ cũng như các hoạt động chỉ đạo nghiệp vụ từ phía lãnh đạo phòng và khi xảy ra sai sót lại khó xác định rõ trách nhiệm của bộ phận nào.

2.4.3. Về đội ngũ công chức thực hiện cung ứng dịch vụ chứng thực còn thiếu và hạn chế về tinh thần phục vụ

Đội ngũ công chức trực tiếp tham gia cung ứng dịch vụ chứng thực được biên chế thường chỉ là do một (01) người đảm nhận, như vậy sẽ dẫn đến tình trạng thiếu người, thiếu sự linh hoạt trong những trường hợp nghỉ.

Các buổi tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ được tổ chức nhưng các cán bộ, công chức khi tham gia chưa có tinh thần trách nhiệm, chưa có sự chủ động, nhiệt tình. Người trực tiếp thực hiện lại không tham gia mà thay vào đó là một người khác, dẫn đến việc chất lượng của công tác này chưa được đảm bảo hay trong quá trình tham gia công chức chưa có sự tích cực trao đổi với báo cáo viên để làm rõ những vấn đề mới, những nghiệp vụ còn nhiều sai sót.

Sự bố trí, sắp xếp nhân sự trong công tác QLNN về chứng thực và cung ứng dịch vụ chứng thực tại phòng Tư pháp chưa thực sự hợp lý. Các nội dung về QLNN đối với chứng thực được phân cho nhiều công chức khác nhau theo lĩnh vực hoạt động như công tác tuyên truyền pháp luật về chứng thực do một (01) công chức thực hiện, nhưng kiểm tra về chứng thực và trực tiếp cung ứng dịch vụ chứng thực lại do một (01) công chức khác đảm nhận.

Công chức tại bộ phận TN&TKQ của UBND quận thường đảm nhận nhiều lĩnh vực khác nhau như chứng thực thường được kết hợp với Đô thị, Kinh tế, Y tế, Lao động, Hộ tịch, dẫn đến không đảm bảo về chuyên môn, nghiệp vụ sâu từng lĩnh vực nên rất hay để xảy ra những sai sót từ khâu tiếp nhận.

2.4.4. Việc phân cấp về thẩm quyền, xác định trách nhiệm trong quản lý các tổ chức hành nghề công chứng giữa Sở Tư pháp và Quận thiếu rõ ràng

Xã hội hoá dịch vụ chứng thực là một trong những nội dung quan trọng trong công tác QLNN về chứng thực. Hiện nay, hoạt động xã hội hoá được diễn ra thông qua việc chuyển giao cho các tổ chức hành nghề công chứng. Nhưng hiện nay, phòng Tư pháp lại không có thẩm quyền trong việc quản lý các tổ chức hành nghề công chứng nên rất khó đảm bảo hiệu quả trong công tác QLNN về chứng thực trên địa bàn của mình.

Chưa có quy định về trách nhiệm cụ thể, rõ ràng giữa các bộ phận trong việc phối hợp thực hiện các công việc đảm bảo hoạt động QLNN hiệu quả. Như việc quản lý hệ thống trang thông tin điện tử của UBND Quận 12 được giao cho bộ phận Công nghệ thông tin (văn phòng UBND) còn nội dung về các thủ tục hành chính, văn bản QPPL mới về lĩnh vực chứng thực để cập nhật trên trang thông tin điện tử do đơn vị nào chịu trách nhiệm vẫn chưa có quy định cụ thể và rõ ràng.

2.4.5. Sự khó khăn trong công tác phòng ngừa, phát hiện, xử lý hồ sơ giả mạo và lỗ hổng quy trình thực hiện truyền thống

Thừa nhận rằng, mức độ và hình thức tinh vi trong các loại hồ sơ làm giả là rất khó phát hiện, đồng thời quy trình thực hiện mang tính truyền thống, nhiều khâu, mang tính thủ công nên rất dễ phát sinh vụ lợi. Chính vì lẽ trên, thiết nghĩ nên hình thành cơ chế chứng thực số và môi trường chứng thực số phù hợp. Có như thế thì mới tăng cường được sự quản lý nhà nước với loại hình dịch vụ này và cho thấy mức độ hiện đại của một Chính phủ điện tử trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập.

Tiểu kết chương 2

Chương II, bài viết đã chỉ rõ thực trạng công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12. Những kết quả đã đạt được như tách bạch được hai hoạt động "công chứng" và "chứng thực", xây dựng được các quy định pháp luật về chứng thực, tạo điều kiện cho công dân khi thực hiện thủ tục này trên thực tế...Quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12 đã đóng vai trò tích cực trong đảm bảo an toàn pháp lý cho các văn bản, giấy tờ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ thể tham gia giao dịch dân sự, kinh tế, thương mại, các thủ tục hành chính; quy định rõ thủ tục, trình tự, thẩm quyền của hoạt động chứng thực...góp phần ổn định trật tự xã hội, thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển. Bên cạnh những kết quả quan trọng trên, hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực của UBND Quận 12 cũng bộc lộ những bất cập, hạn chế do nguyên nhân khách quan và chủ quan ảnh hưởng đến kết quả quản lý nhà nước trên địa bàn. Có thể kể đến như nguyên nhân về mặt nhận thức; nguyên nhân do chưa chú trọng công tác cải cách chứng thực; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; công tác tổng kết hoạt động chứng thực và công tác quản lý nhà nước đối với chứng thực tại các phường còn hạn chế.

Chương II là cơ sở để bài viết xây dựng hệ thống giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12.

Chương 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC CỦA UBND QUẬN 12

3.1. Cơ sở, căn cứ đề xuất giải pháp

3.1.1. Định hướng cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước

Trong những năm gần đây, cải cách hành chính luôn được Đảng và Nhà nước ta xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách nền hành chính hiện nay.

Quan điểm, nhiệm vụ, mục tiêu cải cách hành chính ở nước ta đã được thể hiện rõ trong các văn kiện Hội nghị Trung ương 8 khoá VII, Hội nghị Trung ương 3 và 7 khoá VIII, trong các nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, IX, X và XI. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã nhấn mạnh lại: “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; giảm mạnh và bãi bỏ các loại thủ tục hành chính gây phiền hà cho các tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách. Đẩy mạnh xã hội hoá các loại DVC phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa” [1].

Thực hiện những định hướng, chỉ đạo toàn diện và sâu sắc của Đảng về cải cách hành chính, chương trình Tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 đã được Chính phủ ban hành, định hình quá trình phát triển mới cho nền hành chính. Trong đó, giai đoạn 2011 – 2020 đã đặt ra mục tiêu trên 80% người dân và doanh nghiệp hài lòng đối với sự phục vụ của các cơ quan HCNN [9].

Những định hướng, mục tiêu cụ thể của Đảng và Nhà nước đều tập trung vào nâng cao chất lượng cung ứng DVC tạo động lực, căn cứ quan trọng để tiếp tục hoàn thiện công tác QLNN về chứng thực.

3.1.2. Thực trạng quản lý nhà nước đối với chứng thực

Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 hiện nay bên cạnh những ưu điểm đáng ghi nhận về nỗ lực của các đơn vị trong việc đảm bảo chất lượng của dịch vụ thì vẫn còn tồn đọng nhiều vấn đề hạn chế cần phải nhìn nhận và đưa ra những giải pháp hữu hiệu để sớm khắc phục.

Do vậy, các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 cần bám sát vào thực trạng hiện nay,

tiếp tục phát huy những ưu điểm, tận dụng những thuận lợi để giải quyết các vấn đề còn hạn chế, những thách thức vẫn còn gặp phải.

3.2. Một số giải pháp được đề xuất

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về chứng thực

Thiết nghĩ trong tương lai cần ban hành Luật Chứng thực để nâng giá trị pháp lý trong lĩnh vực này nhằm tạo sự thông thoáng và phù hợp với công tác chứng thực và quản lý nhà nước đối với chứng thực.

Nghị định 23/2015/NĐ-CP được ban hành thay thế Nghị định 79/2007/NĐ-CP, tuy nhiên thực tế áp dụng vẫn còn nhiều điểm hạn chế. Chẳng hạn về mặt giá trị pháp lý chỉ dừng ở mức Nghị định của Chính phủ, trong khi các lĩnh vực khác liên quan đều được điều chỉnh bằng Bộ luật, Luật (như Bộ Luật Dân sự, Luật Đất đai, Luật Công chứng,...). Mặt khác, Nghị định 23/2015/NĐ-CP cũng cần bổ sung theo hướng có quy định về xử lý những trường hợp lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực từ bản chính; quy định cho phép hoặc cấm việc chứng thực với các loại văn bản, giấy tờ hết hiệu lực pháp lý, thời hạn lưu trữ và bổ sung lại quy định về lưu bản sao y bản chính đã chứng thực để đối chiếu khi cần thiết. Cần ban hành thêm văn bản quy định về thời hạn và giá trị pháp lý của từng loại văn bản được chứng thực, chẳng hạn như: giá trị vô hạn và giá trị hữu hạn. Đối với các giấy tờ có xác định thời hạn như chứng minh thư, sổ hộ khẩu, căn cước công dân,... thì bản sao y có giá trị khi bản chính còn giá trị và hữu hạn khoảng 06 tháng. Đối với bằng Tốt nghiệp, giấy chứng nhận, bằng điểm, bằng lái xe,...thì bản sao có giá trị vô hạn, như thế sẽ giảm tải thủ tục giấy tờ và thời gian của đương sự.

3.2.2. Chú trọng công tác hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác chứng thực, đặc biệt là cấp xã

Về công tác hướng dẫn, bồi dưỡng: Các nội dung tập huấn nên có sự đa dạng, phong phú không chỉ dừng lại ở nội dung triển khai các văn bản QPPL mới ban hành mà cần phải mở rộng ở nhiều vấn đề khác nhau như sử dụng thành thạo hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho hoạt động; xu hướng và cách thức vận hành, cung ứng của một số loại hình chứng thực mới mà hiện nay đang được cung ứng bởi các tổ chức tư nhân như chứng thực chữ ký số; nghiệp vụ, kỹ thuật để phát hiện nhanh chóng các

trường hợp sử dụng con dấu giả, vi phạm quy định pháp luật trong các bản chính; nhu cầu và tốc độ phát triển của xã hội liên quan đến lĩnh vực chứng thực hiện nay;...

Hình thức tập huấn nên được đổi mới và kết hợp nhiều loại khác nhau. Các hình thức truyền thống như tổ chức các lớp tập huấn, ban hành tập san,... vẫn nên được giữ lại nhưng cần đảm bảo chất lượng hơn nữa. Đồng thời cũng cần tiếp tục tổ chức với nhiều hình thức mới như tổ chức các cuộc thi; các buổi học tập, tham quan, chia sẻ các mô hình mới của các đơn vị bạn trong hoạt động cung ứng dịch vụ chứng thực cũng như công tác QLNN; trao đổi kinh nghiệm với các tổ chức hành nghề công chứng trong quá trình thực hiện cung ứng dịch vụ;...

Tạo môi trường thuận lợi và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chuyên trách:

Một là, cải thiện chế độ đối với công chức tư pháp: bên cạnh việc nâng cao chất lượng cán bộ, công chức đầu vào và bồi dưỡng đào tạo chuyên môn, thì việc cải cách tiền lương và hỗ trợ cho cán bộ Tư pháp là cần thiết. Bởi lẽ đặc thù về khối lượng công việc, trách nhiệm và áp lực từ nhiều phía.

Hai là, đảm bảo cơ sở vật chất trang thiết bị: cơ sở vật chất là điều kiện quan trọng cho hoạt động công vụ nói chung và hoạt động chứng thực nói riêng thực hiện một cách có hiệu quả. Điều kiện mạng internet và máy vi tính của UBND Quận 12 và 11 phường còn lạc hậu, cấu hình chưa đủ mạnh, hệ điều hành và kết cấu cũ kỹ, thậm chí kết nối mạng không ổn định. Điều này cần chấn chỉnh và trang bị thay thế, đáp ứng bức thiết cho công tác chứng thực và quản lý nhà nước.

Ba là, quán triệt nghiêm túc quy chế "Một cửa" (đặc biệt đối với UBND xã): thực tế UBND cấp xã là nơi gần dân nhất, được tiếp xúc với dân thường xuyên, liên tục, được lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Tuy nhiên, tư duy một người làm quan cả họ được nhờ vẫn tồn tại, việc chứng thực vượt quy trình, không thông qua khâu tiếp nhận tại bộ phận một cửa mà mang thẳng cho người có thẩm quyền ký sau đó mới mang ra bộ phận một cửa hợp pháp hoá, như thế là sai quy trình ISO đã được ban hành và áp dụng trong quản lý chất lượng của cơ quan hành chính nhà nước.

3.2.3. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, đặc biệt là đối với pháp luật về chứng thực

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp đối với công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:

Các cấp uỷ phải thường xuyên tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật trên địa bàn cấp mình và phải luôn xác định vai trò gương mẫu và tiên phong của đảng viên trong việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động, kịp thời đôn đốc, chỉ đạo xử lý những vướng mắc nảy sinh trong quá trình phổ biến, giáo dục pháp luật. Bên cạnh việc tăng cường sự chỉ đạo của Đảng thì sự tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn của chính quyền địa phương là một trong những yếu tố nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Hai là, chú trọng xây dựng đội ngũ làm công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật - vai trò quyết định đến chất lượng hoạt động:

Cần tuyển chọn những người có phẩm chất đạo đức, năng lực, trình độ, có khả năng tuyên truyền, giáo dục có lòng nhiệt tình, say mê với công việc.

Ba là, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp phổ biến giáo dục pháp luật:

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật phải thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tế từng địa phương. Hình thức, phương pháp nên đa dạng, không chỉ thông qua các hội nghị, hệ thống truyền thanh, công tác hoà giải ở cơ sở, hoạt động câu lạc bộ pháp luật mà bằng những cách thức như toạ đàm, buổi nói chuyện, cung cấp các tin bài, cấp phát tài liệu hỏi đáp, tờ gấp, tờ rơi, panô, khai thác tìm hiểu pháp luật qua tủ sách pháp luật,...để người dân có thể cập nhật thông tin, trao đổi, bàn luận và tìm hướng giải quyết cho những vấn đề bức xúc trong lĩnh vực chứng thực và các lĩnh vực khác. Ngoài ra, cần lồng ghép việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại các buổi sinh hoạt cộng đồng. Xây dựng và phát huy phương châm mỗi người dân là một tuyên truyền viên trong cộng đồng. Chú trọng nâng cao hiệu quả hình thức thi tìm hiểu pháp luật.

thực

3.2.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với hoạt động chứng

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện các quy định pháp luật về

chứng thực tại địa bàn Quận 12 hiện nay cần chú trọng thực hiện các biện pháp sau:

Trước hết, muốn công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực thì phải thực hiện phải kiện toàn, làm trong sạch, vững mạnh đội ngũ cán bộ, công chức thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Tư pháp đến các cơ quan Thanh tra của địa phương. Đồng thời cần nhận thức, xác định rõ đội ngũ cán bộ, công chức thanh tra, kiểm tra phải là những người có nghiệp vụ chuyên môn, có đạo đức để thực hiện.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra đối với các hoạt động chấp hành, thực hiện pháp luật, các quy trình nghiệp vụ, chỉ đạo của cấp trên đối với cấp dưới trong toàn ngành Tư pháp trong đó có hoạt động chứng thực để phát hiện kịp thời những sơ hở, tiêu cực vi phạm pháp luật, tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính. Hàng năm phải thực hiện thanh tra chuyên đề về hoạt động chứng thực để kịp thời phát hiện ra những sai sót, chấn chỉnh và rút kinh nghiệm trên toàn địa bàn quận.

Thường xuyên, kịp thời kiểm tra, thanh tra việc ban hành văn bản chỉ đạo nghiệp vụ để phát hiện thiếu sót, sơ hở, tiêu cực ngay từ khâu ban hành văn bản hướng dẫn chỉ đạo, điều hành.

Phải làm tốt, kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực để tăng cường dân chủ, tăng cường hiệu quả giám sát giám sát thực hiện pháp luật từ phía các tổ chức, cá nhân, công dân, nhằm kịp thời phát hiện sơ hở, yếu kém, thiếu khả thi của quản lý nhà nước, đồng thời, phát hiện tiêu cực, tham nhũng, gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ, công chức trong hoạt động chứng thực

Kiểm tra, xử lý nghiêm minh, dứt điểm những đơn vị, cá nhân yếu kém, tiêu cực, vi phạm các quy định pháp luật về chứng thực đã được chỉ ra, được dư luận phản ánh, nhưng dầy dụa, chậm sửa chữa, khắc phục để làm trong sạch, vững mạnh lực lượng cán bộ cơ quan nhà nước.

3.2.5. Tăng cường phân cấp, phân quyền

+ *Đối với UBND cấp huyện*

Kiến nghị các cơ quan cấp trên có thẩm quyền mạnh dạn giao công tác quản lý nhà nước về chứng thực cho UBND quận quản lý trực tiếp đối với các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn, nhằm đi sâu sát và có điều kiện thường xuyên, kịp thời tránh rủi ro không đáng có. Đồng thời giảm áp lực cho Sở Tư pháp trong công tác quản lý với các đơn vị này.

+ *Đối với các tổ chức hành nghề công chứng*

Trực tiếp tiến hành nghiệp vụ và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho UBND quận mà trực tiếp mà Phòng Tư pháp, như thế sẽ hiệu quả hơn so với báo cáo về Sở Tư pháp, vừa tạo áp lực cho Sở vừa mang tính hình thức, bởi Sở không phải là đơn vị gần gũi và nắm bắt cụ thể các Văn Phòng công chứng bằng UBND quận.

+ *Đối với UBND 11 phường*

Cần chú ý năng lực thực hiện của công chức Tư pháp - Hộ tịch, vì rất có thể xảy ra sai sót đối với việc thực hiện quy trình ISO, đồng thời cấp xã vẫn là đơn vị chịu áp lực về việc chứng thực các hồ sơ của doanh nghiệp rất nhiều, cần xem xét cân đối giữa biên chế và khối lượng công việc ở vị trí này, để tạo động lực và giảm thiểu rủi ro. Có sự phân công, uỷ quyền hoặc thường trực đối với lãnh đạo ký chứng thực, giảm thiểu việc lãnh đạo đi họp hoặc đùn đẩy giữa các đơn vị cùng chức năng, tránh biểu hiện kéo dài thời gian, vôi vỉnh hoặc gây khó khăn cho doanh nghiệp.

3.2.6. Lưu trữ sổ chứng thực, văn bản chứng thực

Việc lưu trữ sổ chứng thực cần được tiến hành song song trên hệ thống điện tử cơ quan, tập trung trên máy chủ có dung lượng lớn và lưu trữ thủ công tại kho đơn vị có điều kiện tốt (nhiệt độ, độ ẩm, an toàn cháy nổ, côn trùng,...). Được định kỳ theo dõi và sắp xếp gọn gàng, khoa học.

Việc lưu trữ văn bản chứng thực cũng vậy, được bảo đảm khoa học nhất, phục vụ cho công tác đối chiếu, truy tìm nhanh, thuận tiện.

Để lưu trữ sổ chứng thực và văn bản chứng thực được hiệu quả, thì trước hết cơ sở vật chất trang bị phải đảm bảo. Cán bộ, công chức chuyên trách và công tác văn thư lưu trữ chuyên nghiệp. Trường hợp cần thiết áp dụng thuê ngoài dịch vụ đối với lưu trữ và lên lịch sử hình thành phong rõ ràng, bố trí sắp xếp kho khoa học.

Cần bổ sung quy định chế độ lưu trữ chứng thực bản sao từ bản chính.

3.2.7. Xử lý vi phạm hành chính nghiêm, có tính răn đe cao

Vấn nạn vi phạm các quy định về chứng thực cần được phát hiện, xử lý nghiêm. Để hạn chế tình trạng lợi dụng giấy tờ, văn bản sai quy định thì các cơ quan quản lý nhà nước phải cùng nhau vào cuộc, siết chặt hơn việc cấp phát phôi bằng, mẫu giấy tờ, dấu hiệu đặc thù; các cơ quan, tổ chức khi tiếp nhận hồ sơ cần kiểm tra lại xem văn bằng, chứng chỉ; kiểm tra, xử lý nghiêm những trường hợp dùng giấy tờ, văn bản giả trực lợi.

Trang bị máy móc hiện đại, có thể nhận biết dấu hiệu giấy tờ vi phạm nhanh, chuẩn xác, góp phần hạn chế bỏ sót hành vi này, gây rủi ro cho xã hội.

3.2.8. Công tác tổng hợp tình hình và thống kê số liệu về chứng thực, báo cáo về UBND thành phố

Thiết nghĩ bên cạnh việc tạo điều kiện về cơ sở vật chất, về con người cho việc thực hiện chứng thực trên địa bàn quận, UBND quận cần tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo. Theo đó, để có thông tin xác thực về tình hình quản lý và thực hiện chứng thực trên địa bàn quận, Phòng Tư pháp cần có báo cáo chuyên đề. Trong đó:

- + Cần đi sâu vào việc chỉ ra những biểu hiện và nguyên nhân khác biệt trong quản lý và thực hiện chứng thực ở các phường, bao gồm thực tiễn tốt và cả những điểm chưa hợp lý, hợp pháp.

- + Chỉ ra những khó khăn về việc áp dụng pháp luật, khó khăn về nghiệp vụ, kỹ năng, cơ sở vật chất.

- + Đưa ra những đại lượng định tính để nhìn ra những hướng sự việc yêu cầu chứng thực và những phát sinh có thể gặp phải.

+ Báo cáo cũng cần yêu cầu về việc đề cao sáng kiến, giải pháp của các địa phương trên nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Trên cơ sở báo cáo chuyên đề này, UBND quận sẽ có những thông tin xác thực nhất để đề ra các biện pháp cụ thể từ việc nhân rộng những điển hình, đến việc uốn nắn những sai phạm, đề ra các cơ chế hỗ trợ hợp lý, chuẩn bị ứng xử cho những dự báo khó khăn có thể gặp phải. Công việc này được thực hiện từ sớm và đúng quy trình sẽ góp phần chỉnh đốn, củng cố tạo nên nề nếp hoạt động quản lý và thực hiện chứng thực của chính quyền các phường trên địa bàn quận. Công tác báo cáo của Phòng Tư pháp có thể được thực hiện hàng tháng, quý, năm và đồng thời với công tác kiểm tra.

3.2.9. Ứng dụng Công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước đối với chứng thực số

Dựa trên nền tảng trao đổi định danh điện tử của Cổng dịch vụ công quốc gia, các cá nhân, tổ chức có nhu cầu sẽ sử dụng tài khoản điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng, sau khi xử lý xong hồ sơ, các cơ quan tổ chức có thẩm quyền lưu trữ và số hoá kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Việc làm này rất phù hợp với chứng thực bản sao từ bản chính, cấp bản sao từ sổ gốc và các hoạt động khác. Do đó việc hình thành cơ sở dữ liệu về văn bản, cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp và dân cư là cần thiết.

Xây dựng hệ thống pháp luật liên quan đến việc giao dịch, chứng thực trên môi trường điện tử. Chuẩn hoá các tiêu chuẩn liên quan và biểu mẫu phù hợp, công khai thủ tục hành chính nói chung, thủ tục cho việc chứng thực nói riêng.

Nếu được thực hiện thành công sẽ giảm tương tác trực tiếp như các hoạt động truyền thống đang diễn ra như hiện nay, giảm tham nhũng, phiền hà, sách nhiễu.

Là một trong những cơ sở đánh giá mức độ hoàn thiện của Chính phủ điện tử và chính quyền thông minh trong cung ứng dịch vụ công và quản lý dịch vụ công, trong đó có chứng thực.

Tiểu kết chương 3

Dựa theo những bất cập, hạn chế được trình bày ở chương II, bài viết xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý nhà nước đối với chứng thực tại UBND Quận 12. Đó xuất phát từ khâu ban hành văn bản pháp luật đến công tác phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, đào tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức và cả quần chúng nhân dân. Đồng thời khắc phục tác phong văn hoá làng xã không đúng trong chứng thực; bên cạnh đó cần tăng cường phân cấp phân quyền và đặc biệt là xã hội hoá dịch vụ chứng thực được đẩy mạnh hơn nữa.

Đồng thời giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin là cần thiết. Tập trung hình thành và phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản và thông tin doanh nghiệp, công dân. Như thế thì việc chứng thực điện tử được triển khai nhanh chóng và hiệu quả, chất lượng quản lý nhà nước đối với chứng thực được cải thiện, hiệu lực hiệu quả.

Các giải pháp này được thiết lập, xây dựng trong quá trình nghiên cứu của tác giả và tham khảo một số ý kiến, phản hồi từ phía đội ngũ cán bộ, công chức đang công tác tại Phòng Tư pháp do vậy bám sát thực tiễn và có giá trị tham khảo cao.

PHẦN KẾT LUẬN

Hoạt động chứng thực và chủ đề nghiên cứu về chứng thực không phải là mới, tuy nhiên nó vẫn đối tượng cho các nghiên cứu khoa học nếu thực tế vẫn còn nhiều bất cập và chưa hoàn thiện. Đặc biệt trong giai đoạn cải cách hành chính nhà nước, cải cách tư pháp đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay. Chứng thực vẫn là một dịch vụ được chú trọng, cần được nâng cao chất lượng và hướng đến phục vụ người dân tốt nhất. QLNN đối với chứng thực cũng vậy, đang cần phải tạo ra nhiều giải pháp đột phá mới, nhiều chiến lược mới để có thể tiếp tục đảm bảo duy trì và phát triển hơn nữa loại hình DVHCC này chuyên nghiệp và hiện đại.

Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12, trong thời gian qua đã ghi nhận nhiều thành tựu quan trọng nhưng vẫn còn tồn đọng nhiều hạn chế trong các hoạt động ban hành văn bản về chứng thực; hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho UBND cấp xã; thực hiện cung ứng dịch vụ; công tác lưu trữ; kiểm tra hoạt động chứng thực; xã hội hoá hoạt động cung ứng dịch vụ. Những định hướng mang tính dài hạn của Đảng uỷ cùng với sự nỗ lực của UBND quận và chung tay góp sức của người dân sẽ góp phần nâng cao chất lượng công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12 trong thời gian sắp tới. Hướng đến xây dựng Quận 12 thành một quận phát triển hiện đại, văn minh, nghĩa tình trong tương lai.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tham khảo từ sách, báo, tạp chí, báo cáo.

1. Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT – BTP – BNV ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, Hà Nội.*
 2. Bộ Tư pháp (2015), *Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, Hà Nội.*
 3. Chính phủ (2015), *Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, Hà Nội.*
 4. Chính phủ (2014), *Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 5/5/2014 Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.*
 5. Chính phủ (2000), *Nghị định 75/2000/NĐ-CP ngày 8/12/2000 về công chứng, chứng thực.*
 6. Chính phủ (2011), *Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 Quy định về việc cung cấp trang thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.*
 7. Chính phủ (2007), *Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 19/5/2007 Về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.*
 8. Chính phủ (2011), *Nghị quyết 30c/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính giai đoạn 2011 – 2020.*
 9. Ngô Sỹ Chung (2010), *Quản lý nhà nước về chứng thực hiện nay - Qua nghiên cứu thực tiễn trên địa bàn Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công.
 10. Nguyễn Duy Giang (2009), *Quản lý nhà nước đối với chứng thực huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công.
-

-
11. Phan Thanh Hương (2010), *Quản lý nhà nước về chứng thực trên địa bàn thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội*. Luận văn Thạc sỹ Quản lý hành chính công.
 12. Học viện Hành chính quốc gia (2004), *Giáo trình Hành chính nhà nước và công nghệ hành chính phần II*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
 13. Học viện Hành chính quốc gia, khoa nhà nước và pháp luật (2015), *Tập bài giảng Thanh tra và giải quyết khiếu nại hành chính*, Hà Nội.
 14. Mai Hữu Khuê, Bùi Văn Nhơn (2002), *Từ điển Giải thích thuật ngữ Hành chính*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
 15. Chu Thị Tuyết Lan (2012), *Quản lý nhà nước về chứng thực thực trạng và phương hướng đổi mới*, Luận văn Thạc sỹ Luật học.
 16. Vũ Thị Lịch (2013), *Nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công trong hoạt động cấp phép và chứng thực tại Ủy ban nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng*, Khóa Luận tốt nghiệp Cử nhân Quản lý nhà nước.
 17. Lê Chi Mai (2006), *Dịch vụ hành chính công*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
 18. Phòng Tư pháp Quận 12 (2018), *Báo cáo Công tác Tư pháp năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ năm 2019*.
 19. Phòng Tư pháp Quận 12 (2017), *Báo cáo Công tác Tư pháp năm 2017 và phương hướng nhiệm vụ năm 2018*.
 20. Phòng Tư pháp Quận 12 (2016), *Báo cáo Công tác Tư pháp năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017*.
 21. Phòng Tư pháp Quận 12 (2015), *Báo cáo Công tác Tư pháp năm 2015 và phương hướng nhiệm vụ năm 2016*.
 22. Phòng Tư pháp Quận 12 (2015), *Báo cáo Kết quả kiểm tra hoạt động Tư pháp – Hộ tịch 6 tháng đầu năm 2015*.
 23. Phòng Tư pháp Quận 12 (2014), *Báo cáo Tổng kết công tác chứng thực (giai đoạn từ ngày 30/6/2007 đến ngày 31/3/2014)*.
 24. Phòng Tư pháp Quận 12 (2015), *Thông báo số 63/TB-TP về việc phân công nhiệm vụ năm 2015*.
 25. Phòng Tư pháp Quận 12, Văn phòng UBND Quận 12 (2015), *Quy trình Phối hợp tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trong lĩnh vực Tư pháp – Hộ tịch*.
-

-
26. Phòng Tư pháp Quận 12 (2013), *Báo cáo V/v ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan*.
27. Phòng Nội vụ Quận 12 (2015), *Thống kê trình độ cán bộ, công chức chuyên môn UBND Quận 12*.
28. Quốc hội (2011), *Luật Lưu trữ*.
29. Quốc hội (2015), *Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật*.
30. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 Ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương*.
31. Trần Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hải (2015), *Quản lý công*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Chu Văn Thành (2007), *Dịch vụ công – Đổi mới quản lý và tổ chức cung ứng ở Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. UBND Quận 12 (2014), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Quận 12 giai đoạn 2016 – 2020*.
34. UBND Tp. HCM (2011), *Quyết định 31/2011/QĐ-UBND ngày 20/5/2011 Quyết định về thẩm quyền chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn Tp. HCM*.
35. UBND Tp. HCM (2012), *Quyết định 25/2012/QĐ-UBND ngày 22/6/2012 Ban hành chương trình cải cách hành chính trên địa bàn Tp. HCM giai đoạn 2011 – 2020*.
36. UBND Tp. HCM (2015), *Quyết định 3677/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 Về ban hành quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Tp. HCM*.
37. UBND Tp. HCM (2012), *Quyết định 3121/QĐ-UBND ngày 15/6/2012 Ban hành Đề án Quy hoạch phát triển tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn Tp. HCM đến năm 2020*.
38. Văn phòng UBND Quận 12 (2016), *Báo cáo tóm tắt tình hình ứng dụng công nghệ thông tin*, Tp. HCM.
39. Vũ Thị Thảo (2015) *Pháp luật về chứng thực*, Đặc san tuyên truyền pháp luật, số 02.
-

B. Tài liệu tham khảo từ website

40. *[http://3.vndic.net/ch%E1%BB%A9ng%20th%E1%BB%B1c-vi_en.html]*

41. *<https://fr.slideshare.net/trongthuy2/luan-van-quan-li-nha-nuoc-ve-chung-thuc-cua-ubnd-hot>*

42. *<https://fr.slideshare.net/trongthuy1/luan-van-chung-thuc-cua-ubnd-xa-huyen-my-duc-ha-noi-hay>*

43. *<https://fr.slideshare.net/trongthuy2/luan-van-quan-li-nha-nuoc-ve-chung-thuc-cua-ubnd-hot>*

PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Báo cáo số liệu chứng thực và các việc xác nhận khác tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn Quận 12 từ ngày 01/6/2015 đến hết ngày 31/12/2019.

Phụ lục 2. Mẫu sổ chứng thực

Phụ lục 3. Bảng khảo sát Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12.

Phụ lục 4. Kết quả khảo sát Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12.

Phụ lục 1. Báo cáo số liệu chứng thực và các việc xác nhận khác tại UBND cấp huyện và UBND cấp xã trên địa bàn quận 12 từ ngày 01/6/2015 đến hết ngày 31/12/2019

STT	Đơn vị	Bản sao được chứng thực từ bản chính		Chữ ký được chứng thực			Hợp đồng, giao dịch được chứng thực		Các loại việc khác được xác nhận	
		Số lượng (bản)	Lệ phí (đồng)	Số lượng (trường hợp)		Lệ phí (đồng)	Số lượng (bản)	Lệ phí (đồng)	Số lượng (bản)	Lệ phí (đồng)
				Chữ ký người dịch	Chữ ký trong giấy tờ văn bản					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	UBND quận	76.447	218.188.250	170	191	3.610.000				
2	UBND 11 phường	2.579.387	12.088.701.500		307.948	3.079.480.000				

Phụ lục 2. Mẫu sổ chứng thực

1. Sổ chứng thực bản sao từ bản chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- SỔ CHỨNG THỰC BẢN SAO TỪ BẢN CHÍNH(A) Quyển số (B):-SCT/BS Mở ngày ... tháng ... năm ... (C) Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)							
---	--	--	--	--	--	--	--

Số thứ tự/ số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên của người yêu cầu chứng thực	Tên của bản chính giấy tờ, văn bản	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số bản sao đã được chứng thực	Lệ phí/ Phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

2. Sổ chứng thực chữ ký/ điểm chỉ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- SỔ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ/CHỨNG THỰC ĐIỂM CHỈ(A) Quyển số (B):-SCT/CK,ĐC Mở ngày ... tháng ... năm ... (C) Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)							
--	--	--	--	--	--	--	--

Số thứ tự/ số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên, số Giấy CMND/ Hộ chiếu của người yêu cầu chứng thực	Tên của giấy tờ, văn bản đã chứng thực chữ ký/điểm chỉ	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số lượng giấy tờ, văn bản đã được chứng thực chữ ký/điểm chỉ	Lệ phí/ Phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

3. Sổ chứng thực chữ ký người dịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- SỔ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ NGƯỜI DỊCH(A) Quyền số (B):-SCT/CKND Mở ngày ... tháng ... năm ... (C) Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)
--

Số thứ tự/ số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên, số Giấy CMND/Hộ chiếu của người yêu cầu chứng thực	Tên của giấy tờ, văn bản đã được dịch	Dịch từ tiếng sang tiếng	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Số lượng bản dịch đã được chứng thực chữ ký	Lệ phí	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

4. Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- SỔ CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH(A) Quyền số (B):-SCT/HĐ.GD Mở ngày ... tháng ... năm ... (C) Khóa ngày ... tháng ... năm ... (D)

Số thứ tự/ số chứng thực	Ngày, tháng, năm chứng thực	Họ tên, số Giấy CMND/Hộ chiếu của người yêu cầu chứng thực	Tên hợp đồng, giao dịch được chứng thực	Họ tên, chức danh người ký chứng thực	Lệ phí chứng thực	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Phụ lục 3. Bảng khảo sát Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12

**BẢNG KHẢO SÁT
VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC TRÊN
ĐỊA BÀN QUẬN 12**

(MẪU PHIẾU DÀNH CHO CÔNG CHỨC PHÒNG TƯ PHÁP)

Xin chào anh, chị hiện tôi đang thực hiện đề tài "Quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12", để nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn thực trạng công tác này trên địa bàn quận. Rất mong nhận được những ý kiến, thông tin phản hồi thực tiễn của anh chị về công tác này để tôi có thể hoàn thành tốt đề tài này.

I. CÔNG TÁC QLNN ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC

1. Thuận lợi và khó khăn

1.1. Công tác tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực chứng thực.

.....

Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ công chức làm công tác chứng thực tại UBND phường.

.....

1.2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chứng thực.

.....

1.3. Công tác kiểm tra hoạt động chứng thực của UBND cấp xã.

.....

II. QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

1. Ưu điểm và hạn chế của Phòng Tư pháp khi vừa đảm nhận công tác QLNN đối với chứng thực vừa là chủ thể trực tiếp cung ứng dịch vụ chứng thực.

.....

.....

2. Xu hướng chuyển giao toàn bộ hoạt động dịch vụ chứng thực cho các tổ chức hành nghề công chứng.

BẢNG KHẢO SÁT
CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHỨNG THỰC TRÊN
ĐỊA BÀN QUẬN 12
(MẪU PHIẾU DÀNH CHO CÔNG CHỨC TƯ PHÁP TẠI UBND PHƯỜNG)

Xin chào anh, chị hiện tôi đang thực hiện đề tài "Quản lý nhà nước đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12", để nghiên cứu, tìm hiểu thực tiễn thực trạng công tác này trên địa bàn quận. Rất mong nhận được những ý kiến, thông tin phản hồi thực tiễn của anh chị về công tác này để tôi có thể hoàn thành tốt đề tài này.

I. CÔNG TÁC QLNN ĐỐI CHỨNG THỰC CỦA UBND QUẬN 12			
1. Công tác ban hành văn bản pháp luật trong lĩnh vực chứng thực	Hiệu quả ☐	Bình thường ☐	Chưa hiệu quả ☐
2. Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực cho cán bộ công chức làm công tác chứng thực	Hiệu quả ☐	Bình thường ☐	Chưa hiệu quả ☐
3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về chứng thực	Hiệu quả ☐	Bình thường ☐	Chưa hiệu quả ☐
4. Công tác kiểm tra hoạt động chứng thực	Hiệu quả ☐	Bình thường ☐	Chưa hiệu quả ☐

II. QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

3. Ưu điểm và hạn chế của Phòng Tư pháp khi vừa đảm nhận công tác QLNN đối với chứng thực vừa là chủ thể trực tiếp cung ứng dịch vụ chứng thực.

.....

4. Xu hướng chuyển giao toàn bộ hoạt động dịch vụ chứng thực cho các tổ chức hành nghề công chứng.

.....

Phụ lục 4. Kết quả khảo sát Công tác QLNN đối với chứng thực trên địa bàn Quận 12.

Phường

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Đông Hưng Thuận	1	25.0	25.0	25.0
Hiệp Thành	1	25.0	25.0	50.0
Valid Thạnh Lộc	1	25.0	25.0	75.0
Thới An	1	25.0	25.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	

Số lượng chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
37.967	1	25.0	25.0	25.0
46.957	1	25.0	25.0	50.0
Valid 133.113	1	25.0	25.0	75.0
195.476	1	25.0	25.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	

Công tác ban hành VBQPPL về chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Hiệu quả	2	50.0	66.7	66.7
Valid Bình thường	1	25.0	33.3	100.0
Total	3	75.0	100.0	
Missing System	1	25.0		
Total	4	100.0		

Hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Hiệu quả	1	25.0	25.0	25.0
Valid Bình thường	3	75.0	75.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	

Tuyên truyền phổ biến VBPL về chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Hiệu quả	2	50.0	50.0	50.0
Valid Bình thường	2	50.0	50.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	

Kiểm tra hoạt động chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Hiệu quả	3	75.0	75.0	75.0
Bình thường	1	25.0	25.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	

Khả năng xã hội hoá chứng thực

	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Ủng hộ, khuyến khích	2	50.0	50.0	50.0
Lo ngại, khó khăn	2	50.0	50.0	100.0
Total	4	100.0	100.0	
